

Tùy bút
cận đại
Nhật Bản

Người dịch: Nguyễn Nam Trân

TÙY BÚT CẬN ĐẠI NHẬT BẢN

Nhiều tác giả

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

tùy bút cận đại
Nhật Bản

nhiều tác giả

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

Bìa: *M. C. P*

Nguồn: *Chim Việt cảnh Nam*

tùy bút cận đại
Nhật Bản

NHIỀU TÁC GIẢ

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

Tạp chí *CHIM VIỆT CẢNH NAM*
số 84 * 21-11-2021

MỤC LỤC

1. Lá rụng (Ochiba, 1906) <i>Nagai Kafuu</i>	9
2. Tản bộ ban đêm (Yoaruki, 1907) <i>Nagai Kafuu</i>	29
3. Hàn sơn thập đắc (Kanzan Jittoku, 1917) <i>Akutagawa Ryunosuke</i>	52
4. Mùa thu phương đông (Tôyô no aki, 1923) <i>Akutagawa Ryunosuke</i>	61
5. Một ngày cuối năm (Nenmatsu no ichinichi, 1926) <i>Akutagawa Ryunosuke</i>	69

6. Cúc mọc trên đá 88
(Iwa ni kiku, 1952)
Kawabata Yasunari

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân
(du học Nhật Bản năm 1965, Đại học
Tokyo; nơi cư ngụ hiện nay: Nhật Bản và
Pháp.)

Lá rụng
(*Ochiba*, 1906)
Nguyên tác: Nagai Kafuu



Không có gì mong manh hơn
là những chiếc lá thu trên đất
Mỹ. Vào những buổi chiều giữa tháng

chín, khí trời hầy còn nóng bức không ai chịu nổi và người ta đang than thở tại sao mùa hè dai dẳng đến vậy thì khi đêm đã về khuya, những chiếc lá sồi, lá du, lá bồ đề dẫm sương, đặc biệt là những cây phong xanh với những cái lá khổ rộng giống như lá bách ngô đồng (aogiri) đã bắt đầu rơi lác đác. Chúng rơi chỉ vì sức nặng chứ màu xanh của mùa hạ vẫn còn chưa phai trên lá và ông trời đã thổi trận gió nào đâu!

Cảnh lá rơi như thế còn làm tôi đau lòng hơn là khi thấy chúng rơi tán loạn khắp nơi trong không khí hay khi nhìn những chiếc lá vàng héo úa đổ xuống như mưa trong sương giá ban mai hay gió lạnh buổi chiều. Chúng gợi cho tôi nhớ về cái chết của một thiên tài giữa độ xuân xanh.

Một buổi chiều, tôi ngồi trên chiếc băng cạnh bờ hồ của Central Park (Công viên trung ương ở New York). Đang là ngày trong tuần nên chung quanh sao mà yên tĩnh, chả bù với cái náo nhiệt của ngày Chủ nhật. Đây là lúc mà mọi người trong cái xứ sở đúng giờ đúng giấc này phải ngồi vào bàn ăn để dùng bữa cơm chiều. Tiếng xe ngựa, xe hơi, ngay cả tiếng chân người, đều đã dừng lại, họa chăng chỉ còn tiếng kêu chít chít của lũ sóc vừa mới nhặt xong những mẩu thức ăn cuối ngày, nghe từ phía cao trên đầu ngọn cây. Bầu trời xám tựa hồ báo hiệu cơn mưa tối giờ đây đã đổi thành màu u ám và nặng nề như một người đang buông mình vào trong giấc mơ.

Mặt nước ao vốn rộng như cái hồ lóe lên một thứ ánh sáng màu chì khi những ánh đèn khí đốt bắt đầu chiếu lập lòe

trong mấy bụi cây chung quanh hồ mà hình ảnh mỗi lúc càng nhòa nhạt.

Trên ngọn của một cây du gần đó, những chiếc lá mảnh mai đang rơi đều đặn từng nhóm ba, bốn, năm hay sáu chiếc. Nếu lắng tai, tôi có thể nghe tiếng lá khi rơi chạm vào những chiếc lá còn lại trên cành. Tôi có cảm tưởng chúng đang thì thảo cho nhau nghe và rủ rê nhau rơi xuống, để kết thúc đời mình trong hủy diệt.

Vài chiếc lá đậu trên nón tôi, những chiếc khác ghé trên vai hay đầu gối. Vẫn có những chiếc lá rơi trên mặt nước về phía xa xa cho dù không có luồng gió nào đưa đẩy, và sau đó chúng đã để mặc cho dòng nước đưa đi và trôi xa, xa mãi.

Trong khi đang tựa người và đặt khuỷu tay lên trên thành chiếc băng rồi suy

nghĩ hết chuyện này bắt sang chuyện nọ, tôi chợt nhớ lại bài “Thu ca” (Chanson d’Automne) của Verlaine:

Les sanglots longs,

Des violons

De l’automne

Blessent mon Coeur

D’une langueur

Monotone.

Tout suffocant

Et blême, quand

Sonne l’heure,

Je me souviens

Des jours anciens

Et je pleure.

Et je m'en vais

Au vent mauvais

Qui m'emporte

De ça, de là

Pareil à la

Feuille morte

(Vĩ cầm nức nở / Tiếng thu / Lòng
ta một mối / Sầu tư / Khôn cầm
(Giờ tàn nghĩ tủi / Chiếc thân / Nhớ
ngày vui cũ / Âm thầm / Lệ rơi
(Ra đi trận gió / Tơi bời / Cuốn theo đây
đó / Rã rời / Lá khô)¹

¹ Bản dịch của Trần Mai Châu (trên trang mạng Thi Viện).
Xin cảm ơn.

Đây không phải là lần đầu tiên cuộc đời được đem ví với những chiếc lá lìa cành nhưng bởi vì sự ví von đó luôn luôn làm tôi xúc động sâu sắc. Nhất là khi tôi nghĩ đến tình cảnh tha hương của mình... Ôi đã bao nhiêu lần và ở bao nhiêu nơi tôi đã được ngắm những chiếc lá lìa cành vùi chôn trong xứ lạ này.

Vào mùa thu khi tôi vừa đến Mỹ, đó là bờ biển Thái Bình Dương, và năm sau, đó là giữa những cánh đồng Missouri bên bờ Hồ Michigan và trên những con phố của Washington (D.C.) và nay là lần thứ hai với những chiếc lá rơi ở New York.

Năm ngoái, lần đầu tiên tôi được nhìn những chiếc lá rơi trong thành phố này, tôi đã ngạo nghễ, hào hứng và hạnh phúc biết bao. Tôi tưởng tượng rằng mình đã thấy được hết mọi điều kiện xã

hội và thiên nhiên của lục địa mới - và với một sự tự tin quá lỗ - là nếu muốn quan sát cuộc sống của đại đô thị lớn thứ hai trên quả đất, tôi chỉ cần đến gần bên bờ hồ trong công viên vào mỗi ngày Chủ nhật và xem đám đông đi dạo là đủ

Lá đà rụng hết chưa được bao lâu thì những cơn gió lạnh đã ào ào kéo tới, bẻ gãy những cành khô và sau đó, tuyết sẽ phủ lấp hết mặt cỏ. Đây là lúc mà cái mùa của nghệ thuật và giao tế xã hội mới bắt đầu.

Được đi xem đủ loại tuồng kịch, từ Shakespeare đến Racine, sang tới Ibsen và Sudermann, tôi có cảm tưởng mình như được tắm mình trong kịch nghệ của thế giới, từ cổ điển cho đến hiện đại. Tôi tin rằng mình biết cách thưởng thức những viễn tưởng của Wagner và kỹ xảo của Verdi. Chẳng những thế thôi, tôi

cảm thấy mình như sắp trở thành một trong những nhà tiên khu cho một loại hình nhạc kịch mà trong tương lai có thể gây tiếng vang trên đất Nhật. Tôi đã có dịp nghe những bản hòa tấu của các giàn nhạc giao hưởng, thưởng thức cái tinh tế và cái đẹp của nhạc cổ điển, cũng như có một đam mê không bờ bến với loại tân nhạc lãng mạn. Tôi ngưỡng mộ cái bất hài hòa và phong cách phi hình thức của dòng nhạc Richard Strauss vốn chưa từng có trước đây. Hơn thế nữa, tôi thường đến thăm các bảo tàng viện nghệ thuật để chiêm ngưỡng điêu khắc của Rodin và hội họa của Manet.

Chương trình, bảng liệt kê, mẫu báo cắt ra được chồng thành đống trên mặt bàn viết nhưng trong khi tôi còn chưa sắp xếp được chúng thì trời đã sang mùa. Ngọn cây tiêu điều nay đã được trang

sức bằng những chồi xanh hay chùm hoa, trong lúc đó, người người đem cất đi những cái áo khoác nặng trĩu để đổi lấy mấy bộ cánh nhẹ mát của mùa xuân. Bắt chước họ, tôi cũng sắm sanh quần áo mới, giày mới và mũ hẹp vành mới. Thế nhưng, thời trang ở Mỹ là thời trang của một đất nước coi trọng việc buôn bán nên có hơi kém thẩm mỹ. Để chứng minh rằng mình sẽ không bao giờ chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng theo lối Mỹ, tôi đã nghiên cứu kỹ càng và tạo cho mình một dáng vẻ của Daudet thời trẻ, lúc ông viết quyển “Người con gái đang yêu (L'Amoureuse)” hay hơn một bậc nữa là phải làm sao để cho giống Byron. Do đó mà mỗi buổi sáng, tôi đều uốn tóc cho quần và mang một cái cà vạt khổ rộng với một vẻ lơ đãng nhưng thật ra là có nghiên cứu hẳn hoi.

Mọi người có thể cười cợt sự lố lằng của tôi nhưng bản thân, tôi không hề nghĩ là mình lố lằng hay ngốc nghếch. Sau khi Ibsen qua đời, tôi được đọc trong một tờ báo ở Boston cho biết nhà biên kịch này có một nhược điểm không ai ngờ tới. Hình như ông ta thích nhìn mình trong gương khi đeo trên người một tấm huy chương do nhà vua ban tặng, và cố ý làm cho mái tóc bạc của mình rối bù để tạo dáng và cho biết mình không bao giờ dùng đến một cái lược.

Tôi không muốn kiểm tra xem tin ấy đúng hay sai nhưng bất cứ cái gì các nhà thơ Tây phương làm, tôi đều cảm động đến muốn khóc và không thể nào không bắt chước. Vì thế, tôi cũng đội mũ lệch nhưng với tác phong hững hờ của một kẻ không chú tâm, cũng một tay cầm cây ba-toong bằng gỗ anh đào, kẹp dưới nách

tập thơ hay cái gì giống thế, và sau khi đứng ngắm bóng dáng mình trong tấm kính một hồi, cuối cùng tôi mới bước ra công viên nơi thiên hạ dập dìu trong những buổi chiều xuân. Sau khi dạo một vòng quanh bờ hồ như thường lệ, tôi sẽ tản bộ về phía con đường lớn có cây viển hai bên lề, nơi các bức tượng đồng của Shakespeare, Scott, Burns [William Shakespeare (1564-1616), Sir Walter Scott (1771-1832), Robert Burns (1759-96), ba nhà văn hóa lớn người Anh.] và một số nhân vật khác được đặt cạnh nhau, rồi sẽ ngồi trên một chiếc băng dài trước mặt họ và thung thỉnh chiêm một điệu thuốc lá.

Đến một lúc nào đó, khi mà hơi ấm của mặt trời mùa xuân đã đưa tôi vào trong trạng thái mơ màng, tôi có cảm tưởng rằng mình đang được đứng ngang

hàng với những nhà thơ bất tử kia. Mấy bắp thịt chung quanh miệng tôi sẽ thư giãn hơn để làm thành những lúm đồng tiền sâu. Nhưng rốt cuộc, tôi có hơi ngượng về mình nên đã đưa mắt lơ đãng đảo chung quanh mình và nhận ra rằng đang có những búp lá non xinh xắn trở ra trên thân cây bên đường, bầu trời trong xanh bên trên vòm lá, cũng như màu xanh mát mắt của lớp cỏ trải rộng ra hai phía của con đường trông như là biển cỏ, và mùi hương dịu ngọt của những đóa hoa thoảng đến từ một nơi nào không rõ. Phải nói là tôi chưa bao giờ cảm thấy mình hạnh phúc như vậy.

Trước mắt tôi, các bà các cô trong những bộ áo mát đi qua đi lại không ngớt, hoặc đánh xe ngựa hoặc ngồi trên lưng ngựa nhưng khi đi ngang qua, hình như tất cả đều nhìn về phía tôi và mỉm cười.

Mỗi khi nhìn thấy vẻ mặt tươi cười của một cô gái thật trẻ và xinh đẹp tuyệt trần, tôi đều tự ru mình vào trạng thái mộng mơ của một câu chuyện tình hạnh phúc... Chẳng hạn tôi sẽ viết một cái gì đó bằng một thứ tiếng Anh duyên dáng và một nữ độc giả hâm mộ tìm đến gặp tác giả là tôi. Chúng tôi sẽ nói với nhau từ chuyện đời, chuyện thơ phú rồi đến cả những bí mật của nhau. Chúng tôi sẽ cưới nhau và sống chung ở một miền quê cách New York chừng hai giờ tàu, nơi đó có thể là Long Island hay bờ biển New Jersey. Ngôi nhà của chúng tôi sẽ là một ngôi nhà nông thôn có sơn màu nằm giữa khu vườn cây ăn quả với những giống anh đào hay táo. Đằng sau vườn sẽ có một cánh đồng cỏ dùng vào việc chăn nuôi, từ đó nhìn về phía xa tít tắp là mặt biển. Vào những buổi chiều xuân hay chiều hè, trong hoàng hôn mùa thu hay

ban ngày giữa mùa đông, tôi có thể nằm trên một chiếc ghế bành dài bên cửa sổ và lim dim ngủ sau khi đã mệt mỏi vì đọc sách. Thế rồi tiếng đàn dương cầm réo rắt ở căn phòng bên cạnh sẽ đánh thức tôi. Tôi thích điệu nhạc ấy phải là một bản Sonata của Listz mà vợ tôi đang dạo... Tới chỗ đó tôi bỗng choàng tỉnh rồi nhận ra rằng mình vẫn nằm trên chiếc băng trong công viên và cơn gió lạnh buổi chiều đang thổi thốc vào mặt.

Mùa xuân đắm mình trong mộng như thế này rồi cả mùa hạ cũng đi qua nhưng ôi chao, chưa chi trời đã vào thu, bây giờ khi ngắm những chiếc lá vàng rơi và bày ra trên mặt đất, tôi thấy chúng như gợi cho tôi nhớ lại mối tình đã bị cuốn đi theo bước thời gian.

Mai một thôi, sẽ không còn một chiếc lá nào nữa. Với những cơn gió bắc lạnh lùng, mùa của các kịch trường và giàn nhạc giao hưởng sẽ quay về. Các góc phố hay nhà ga sẽ được trang hoàng bằng những tấm áp-phích với các khuôn mặt nhạc sĩ và tài tử sân khấu. Nhưng tôi không biết lúc đó mình có còn là một kẻ hâm mộ nghệ thuật với một thái độ táo bạo, bất cần đời, nhưng rất hạnh phúc như hồi năm ngoái hay không? Và mai kia, khi xuân lại đến, tôi có còn dễ dãi để cho phép mình vui đầu vào những giấc mộng phù du ấy nữa chăng?

Mơ mộng, tự đầu độc, sống trong ảo ảnh, đó là tất cả cuộc đời chúng ta. Chúng ta mong đợi tình yêu và mơ đến thành công nhưng thực sự không hề có ý định đạt được nó. Chúng ta chỉ đeo đuổi những ảo vọng mà chúng ta nghĩ

rằng chúng có thể trở thành hiện thực và chúng ta tự đầu độc mình bằng sự phỏng đoán và mong ngóng này.

Baudelaire nói rằng, câu hỏi duy nhất được đặt ra là “Có nên tự đầu độc hay không?” Nếu bạn muốn tránh khỏi phải gánh lấy sức nặng khủng khiếp của thời gian đè lên vai mình và dìm bạn xuống đất đen, bạn nên để cho mình “say” và không nên lưỡng lự về điều đó. Bạn “say” với cái gì cũng được, dù là rượu ngọt, thi ca, đạo đức, v.v..Không thành vấn đề. Nếu đôi khi, trên bậc thang của một lâu đài, trên bãi cỏ một thung lũng hay trong căn phòng hoang vắng, thì xin bạn hãy đặt câu hỏi cho gió, cho sóng, cho ngàn sao, cho chim trời, cho đồng hồ, những cái gì biết bay, biết chuyển động, biết nói, biết hát, xem bây giờ là thời gian mình phải làm gì? Gió, sóng, ngôi sao,

chim trời và đồng hồ sẽ trả lời bạn là bây giờ bạn phải “say” bất luận với món gì dù là rượu ngọt, thi ca, đạo đức hay là một thứ nào khác. Nếu bạn không muốn trở thành nô lệ của Thời gian, bạn phải luôn luôn tự đầu độc. [Phần này trông giống như bản dịch bài thơ “Hãy say đi!” (Enivrez-vous!) của Baudelaire sang tản văn. Có thể xem nguyên tác trong thi tập nhan đề “Le Spleen de Paris” (1869) của nhà thơ.]

Chung quanh tôi, màn đêm đã trùm lên tất cả. Khu rừng sẫm đen, bầu trời đen và mặt nước cũng đen. Thế nhưng, tôi vẫn còn ngồi trên chiếc băng, nhìn những bóng lá đang bay tan tác dưới ánh đèn điện lóe lên giữa hàng cây.

(New York, tháng 10/1906)

Dịch ngày 13/07/2021

Thư mục tham khảo:

1- Nagai Kafuu, *Ochiba* trong *Amerika Monogatari* (Truyện Bên Mỹ), từng thư Iwanami Bunko, Nxb Iwanami, Tôkyô. Sơ bản năm 1952, tái bản lần thứ 4 năm 2005. Nguyên tác Nhật ngữ.

2- Nagai Kafuu, *Fallen Leaves* trong *Amerika Monogatari* (American Stories) do bà Iriye Mitsuko dịch *Ochiba* sang Anh văn từ *Zenshuu* (Toàn tập) về Nagai Kafuu, tập 18 của nhà Iwanami ra đời năm 1964. Columbia University Press (London, New York) xuất bản năm 2000. Bản ngoại văn tham chiếu.

Tản bộ ban đêm

(Yoaruki, 1907)

Nguyên tác: Nagai Kafuu



Tôi yêu thành phố về đêm. Tôi yêu những khu vực tràn ngập ánh đèn của nó.

Chắc anh đã biết rằng tôi thích cảnh hoàng hôn trên khu phố Ginza hay lúc trời về đêm ở xóm Yoshiwara hơn là vầng trăng vùng Hakone hay những ngọn sóng của bãi Ô-iso² và đã nằm nhà một mình ở Tôkyô suốt vụ hè thay vì ra một khu nghỉ dưỡng nào đó.

Vì vậy, không nói anh cũng hiểu ngay là khi đặt chân đến New York, những buổi tối của cái thành phố vĩ đại trên Tân Đại Lục này - nơi mà không nơi đâu là không có ánh đèn - đã đem đến cho tôi biết bao nhiêu lạc thú. Ôi, New York quả là cái “bất dạ thành”, một nơi hoàn toàn không có bóng đêm. Đó là thế giới của những ánh điện sáng trưng, chói lòa mà lại kỳ ảo, nếu sống ở bên Nhật thì không thể nào tưởng tượng nổi.

² Xưa là bãi biển để tắm đầu tiên của Nhật, được mở ra vào thời Minh Trị (1885), nằm gần Yokohama. Có nhiều biệt thự nghỉ mát.

Ánh mặt trời vừa tắt và màn đêm buông xuống là cứ y như rằng tôi đã tự động cất bước ra khỏi nhà. Nếu như tôi không thấy cái thế giới đầy đèn đuốc đó, dù là ở ngoài phố, bên góc đường, trong kịch trường, hiệu ăn, nhà ga, khách sạn hay phòng khiêu vũ hoặc những nơi khác, thì tôi sẽ cảm thấy buồn bã và cô độc đến độ rũ rượi như người không còn sinh khí. Màu sắc của những vầng ánh sáng đó đã trở thành những thứ tuyệt đối cần thiết giúp cho tôi tồn tại.

Tôi yêu các thứ màu sắc đó không những ở trình độ bản năng mà cả trong lãnh vực tri thức nữa. Chúng đỏ như máu, tinh rờn như vàng và đôi khi xanh biếc như pha lê... nhưng không hiểu vì sao tất cả những màu sắc ấy, vẻ lấp lánh ấy đã lôi cuốn tôi một cách lạ lùng. Không có cái gì khác, ngay nhan sắc một người

đẹp với đôi mắt xanh sâu thẳm hay vẻ sáng láng của những viên ngọc quý, nếu đem ra mà so sánh, vẫn chưa thấm vào đâu.

Dưới cái nhìn lãng mạn của tôi thì những thứ đèn đuốc ấy đã xuất hiện để tượng trưng cho từng dục vọng, từng hạnh phúc và từng khoái lạc của con người. Cùng lúc, hình như chúng cũng gợi cho ta thấy rằng chúng ta có năng lực để đi ngược lại ý chí của Thượng Đế, chống lại được những định luật thiên nhiên. Đám đèn đuốc ấy chính là thứ ánh sáng đã cứu chúng ta ra khỏi bóng tối và đánh thức chúng ta dậy từ giấc ngủ của sự chết. Phải chăng những chùm ánh sáng này mới là cái mặt trời nhân tạo và những đóa hoa tội lỗi đã dám khiêu chiến Thượng Đế và khoe khoang sức mạnh của sự hiểu biết con người?

Ôi, nếu như thế thì quả là cái thế giới chúng ta có được nhờ ở những vầng sáng đó là một thế giới mộng huyền của ảo thuật. Bởi vì nhờ có ánh sáng của đám đèn đuốc kia mà những nàng con gái hư thân trắc nết đã trở thành xinh đẹp hơn cả những bà vợ đức hạnh cũng như những cô em trinh trắng, nhờ có nó mà khuôn mặt của một tên đạo tặc trở nên bi tráng chẳng thua gì khuôn mặt của Chúa Cứu Thế, lại nhờ nó hình dáng của một kẻ ăn chơi đọa lạc cũng trở nên cao cả không thua chi phong thái một bậc vương hầu. Một thi nhân sa đọa không viết nổi những vần thơ ca tụng Đức Chúa Trời hay sự bất tử của linh hồn nhưng, lần đầu tiên, nhờ những nguồn ánh sáng như vậy, đã tìm được cái đẹp đến từ đen tối hay tội lỗi. Chẳng hạn những câu sau đây của Baudelaire:

*Voici le soir charmant, ami du criminel,
 Il vient comme un complice, à pas de loup,
 le ciel
 Se ferme lentement comme une grande al-
 cove,
 Et l'homme impatient se change en bête
 fauve.*

(Này xem, buổi tối dịu dàng, bạn của
 phường gian ác,

Với những bước chân âm thầm, đã đến
 làm đồng lõa với hắc tá.

Bầu trời khép từ từ thành căn buồng tình
 rộng lớn,

Và kẻ đang khoắc khoải đợi chờ sẽ hóa
 thân thành thú dữ)

Tối hôm qua, khi những ánh đèn

thành phố vừa mới bật lên, tôi đã ra khỏi
 nhà. Sau khi ăn tối ở một quảng trường
 đông người tụ tập và tiếng nhạc tuôn ra
 như suối chảy, tôi bèn ghé vào một rạp
 hát nhưng không có dụng ý xem kịch
 mà chỉ để mình được say sưa với ánh
 sáng của những ngọn đèn đang nhấp
 nháy trên vòm cao của trần rạp mạ màu
 kim loại, trên cái sân khấu rộng bao la
 và trong những lô ghế bày chung quanh.
 Do đó, tôi đã chọn nơi đang diễn một vở
 nhạc kịch hài hước với cảnh nhiều nàng
 vũ công nhảy múa và hát những bài hát
 bình dân thật ồn ào.

Sau khi đã tiêu hết phân nửa buổi
 tối ở đó, tôi theo đám đông ra bên ngoài
 giữa tiếng nhạc một điệu luân vũ (Waltz)
 được chơi để báo hiệu giờ đóng cửa của
 rạp, thì bỗng cảm thấy gió lạnh đang thổi
 thốc vào mặt ...Tôi không bao giờ quên

được cảm giác dễ chịu của giờ phút này, nó luôn luôn đến với tôi lúc vừa bước ra khỏi một rạp hát. Cảnh tượng hiện đang bày ra chung quanh thành phố hoàn toàn tương phản với sự xô đẩy chen lấn hồi chiều khi tôi vừa mới bước vào trong rạp. Giờ đây, tất cả đều đã được bọc trong bóng tối của trời khuya. Nó làm cho tôi có cảm tưởng mình đang đứng giữa một con phố lạ. Bỗng nhiên tôi thềm được bước đi mà không cần định hướng và trong lòng lúc ấy là một nỗi bất an mơ hồ đi kèm với tình cảm hiếu kỳ.

Thực thế, cái duyên dáng của một thành phố về khuya chính là tình cảm hồi hộp, âu lo cũng như những điều bí mật mà sự nghi ngờ và trí tò mò đã gợi cho chúng ta. Giả dụ nếu có một ai đó đang đứng thơ thẩn ở đằng sau một cửa hiệu mà đèn đóm đã tắt hết và cửa nẻo

đóng cả rồi thì tôi sẽ lấy làm tò mò và tự hỏi người ấy là ai, anh ta đang định làm gì thế, đến độ có thể nghi rằng anh ta là một gã ăn trộm. Còn như khi tôi thấy viên cảnh sát oai vệ trong bộ đồng phục đứng ở góc một con đường hẻm thì dù không có chứng cứ gì, tôi vẫn nghi là đang có một vụ án mạng xảy ra đâu đây. Thấy mấy người đàn ông đội mũ chụp tới mắt và tay thọc sâu trong túi quần, tôi thấy họ phải là những kẻ vừa thua bạc nhẵn túi và đang tìm cách tự sát. Một chiếc xe ngựa từ bóng tối vụt ra, chạy qua mặt tôi rồi lao vào trong một khoảng tối khác khiến tim tôi thót lên và tuy không duyên cớ gì cũng đâm ra hồi hộp, hình dung một vụ ngoại tình hay một mối giao du bất chính của người đang ngồi trong xe, đặc biệt khi lại còn nhìn thấy ở ngoài xa, đằng trước những khách hay tiệm rượu, có bao ánh đèn tỏ

ngồi như khuôn mặt một kẻ chiến thắng đang cười lên trong bóng tối. Những hình ảnh đó như muốn nhắc tôi rằng tất cả mọi khoái lạc của trần thế chỉ nằm ở bên trong mấy chốn đó thôi. Bóng dáng những người đàn ông và đàn bà lũ lượt đi qua đi lại và ra vào nơi đó trông chẳng khác nào những cánh bướm đang bay lượn vui đùa trong cái hoa viên của tình yêu phóng đảng. Phải chăng tiếng cười và giọng nói của họ, đôi khi nổi lên ở chỗ này chỗ nọ là thứ âm nhạc ngọt ngào và quyến rũ không gì sánh được?

Đó là cái giờ “định mệnh” đáng sợ đấy, bạn ạ. Những người đàn bà chợt xuất hiện vào giờ phút đó, đúng ngay thời điểm đó, trong ánh đèn nhấp nháy của đường phố, tà váy phất phơ theo gió và phả làn hương của phấn sáp họ trang điểm vào trong bầu không khí của trời

đêm, chỉ có thể là những bóng ma của đêm tối. Họ hóa thân từ tội lỗi và điều ác. Họ là những ma nữ sống trong thế giới của ma vương đã được Mephisto gọi đến trước ngõ nhà người thiếu nữ có tên là Maguerite. Những ma nữ đó lại có khả năng đọc được từng ý nghĩ của mấy chàng trai trẻ đang đi lang thang trong đêm, rõ từ quá khứ cho đến tương lai của mỗi người.

Vì vậy mà khi một trong những chàng trai trẻ ấy nghe họ bảo dừng chân và để họ đến sát bên cạnh, anh ta sẽ cảm thấy rằng, qua những điểm gỡ đang hiện ra trước mắt, anh biết những gì phải xảy ra cho anh như đã từng xảy đến cho bao người đi trước và anh sẽ cúi đầu chấp nhận số phận bằng cách nắm lấy bàn tay lạnh lẽo của sự ô nhục.

Sau khi đã ra khỏi rạp hát, tôi tiếp tục tản bộ dọc khu Broadway ngay giữa trời khuya, đi ngang qua những ngôi nhà cao chừng hai mươi tầng hay hơn nữa đang vươn mình lên như những cột đá trên quảng trường Madison Square và cứ tưởng đó là một lâu đài trong mộng. Chẳng bao lâu, tôi đã đến được một vùng cây cối um tùm trên quảng trường Union Square và thấy có những ánh đèn chiếu qua kẽ lá. Khi đến gần hơn nữa, tôi lại nghe có tiếng nước róc rách từ một bồn phun nằm đằng sau thân cây. Tiếng nước chảy trong đêm yên tĩnh nghe như tiếng ai đang sụt sùi. Vì thế, tôi đã ngồi xuống một cái băng dài và nhìn những tia sáng đang phản chiếu từ mặt nước, lúc lay động lúc vỡ tan, để cho những mơ mộng viễn vông dậy lên trong đầu.

Tôi nghe có tiếng chân ai đang đến

gần và tiếng thì thảo nào đó đi vào lỗ tai mình, và một lúc sau, tôi đã tiếp tục cuộc tản bộ... Thế nhưng tôi đã rơi vào bẫy bằng cách nào thế nhỉ? Vì tôi nhận ra là mình đang bước bên cạnh một “ma nữ của bóng đêm”, kẻ đang kéo tay tôi dắt vào một con đường hẻm xa lạ phía trong.

Tôi nhìn chung quanh và nhận ra có nhiều căn phố nằm dọc theo hai bên con hẻm ấy. Đó là những căn nhà xây bằng gạch đỏ nhưng đã ố đen vì bụi bặm, còn cửa nẻo thì xập xệ, bên trong cửa sổ lại tối om om. Sau khi leo lên vài ba bậc đá để đi vào cổng chính, bóng tối đã nằm phục sẵn ở đó khiến tôi ngần ngại. Không những thế, từ dưới tầng hầm, một mùi ẩm mốc dậy lên và đâm thốc vào hai cánh mũi. Người đàn bà chợt dừng chân, kéo tôi ra trước ngọn đèn đường bên cạnh để

quan sát bề ngoài của tôi trong chốc lát rồi thoáng nở một nụ cười, cho tôi thấy một hàm răng trắng và đôi môi son đỏ.

Tôi không khỏi rung mình một cái nhưng vẫn không đủ ý chí gỡ bàn tay nàng ra để tháo chạy. Thay vào đó là một sự thèm khát bỏng cháy đang lôi kéo, biến tôi thành một kẻ tự nguyện tiến lên để sa vào trong một hố đen.

Thật lạ, không hiểu sao con người lại thích cái ác. Tại sao hương vị của trái cấm mới thơm ngon? Sự cấm cản nhân đôi cái ngọt ngào, sự phạm tội làm gia tăng hương vị. Cũng như dòng nước trên núi không thể chảy xuống như điên cuồng nếu không bị đá chặn, con người sẽ không thể nào khám phá được sự hào hứng do tội ác đưa tới hay những khoái lạc yêu ma trừ phi anh ta có lương tâm và đạo đức.

Tôi để cho mình được dắt đi từ cái cửa vào tối tăm đó để leo lên một cầu thang cũng tối mù. Nhân vì trên mặt cầu thang không trải thảm cho nên tiếng bước chân của chúng tôi âm vang suốt ngôi nhà vắng lặng như tiếng những tảng băng bị đập lên đang vỡ rụn và rồi một luồng hơi lạnh và ẩm không biết từ đâu đến, quệt lên trên cổ áo tôi như mái tóc của một người chết.

Chúng tôi leo lên tầng hai rồi tầng ba và cuối cùng, tôi nghĩ là tầng năm. Người đàn bà bèn ngoáy lỗ khóa đánh cách để mở cửa phòng và đẩy tôi vào bên trong.

Phòng cũng tối tăm như bên ngoài nhưng khi người đàn bà bật ngọn đèn khí đốt lên thì đám mây của sự bí mật đã tiêu tan. Và ngay sau đó, như nhờ phép lạ của cây đũa thần, một quang cảnh đã hiện ra trước mắt tôi với cái ghế xô-pha

rách nát, cái giường cũ, tấm kính soi đã mờ, bồn rửa tay đầy nước và vài thứ tủ bàn tạp nhạp nằm rải rác. Hình như căn phòng này sát mái và dù trần thấp và bốn vách đều loang lổ, vẫn có vẻ là nơi chủ nhân có thể sinh hoạt thoải mái nếu ta nhìn những bộ quần áo ngủ nàng đã thay ra, mấy bộ đồ lót và bí tất cũ nàng vứt đó. Nhưng dù sao, đây chỉ là sự thoải mái mà bạn thấy được khi ghé mắt dòm vào một cái chuồng chó với mớ rơm rạ bày bừa dùng làm ổ cho nó nằm hay một tổ chim ngập đầy phân chim.

Trong khi tôi còn đang nhìn quanh quất thì người đàn bà đã gỡ nón xuống và cởi quần áo, rồi, chỉ mặc mỗi một cái sơ-mi ngắn màu trắng, nàng ngồi lên chiếc ghế bên cạnh tôi và bắt đầu hút thuốc. Tôi khoanh hai tay thật gọn và chăm chú nhìn nàng trong im lặng như

một nhà khảo cổ đang ngắm nghía bức tượng Sphinx (Nhân Sư) giữa sa mạc Ai Cập.

Hãy nhìn xem cái cách nàng bày nguyên đôi chân đi tất kéo đến tận đùi, ngồi tréo ngoáy một chân lên đùi bên kia rồi uốn người cho phần trên của thân hình ngả ra đằng sau để lộ đôi vú dưới lần áo lót cổ khoét thật trễ, rồi giữ cái gáy với hai cánh tay trần đang vươn lên và ngửa mặt, nhả khói lên trần nhà... Ôi chao! Phải gọi nó là gì đây nếu không phải là một bức tượng đá vừa tàn nhẫn vừa can trường, tượng trưng cho sự thách thức và ô nhục, vừa chẳng sợ Trời vừa chẳng sợ Người và dám lăng nhục tất cả mọi thứ đạo đức tốt đẹp trên đời? Có phải khuôn mặt này đang tìm cách biểu lộ cái đẹp đầy kịch tính của một mặt trời hoàng hôn đang chìm dần trên một ngôi

thành cổ đơn côi. Nó muốn chiến đấu chống lại sự tàn phá của «Thời Gian» bằng những phương tiện như phấn, son, tóc mượn và đồ trang sức giả. Màu của mắt nàng - dưới đôi mi nặng nề, không thể biết là còn thức hay đang ngủ - có thể xem như bề nổi của cái đầm lầy rộng lớn chứa một thứ hơi ngạt độc địa. Không hiểu nhà thơ Baudelaire, người cha của trường phái Đồi phế (Decadence) có ám chỉ về đôi mắt của loại đàn bà ấy không khi ông viết:

*Quand vers toi mes désirs partent en car-
avane,*

*Tes yeux sont la citerne où boivent mes
ennuis.*

(Khi thèm muốn của tôi tiến về phía em như đoàn xe thương đội. Đôi mắt em sẽ làm dịu cơn khát của hồn

tôi đang khốn đốn...)

Hoặc như:

Tes yeux où rien ne révèle

De doux ni d'amer

Sont deux bijoux où se mêle,

L'or avec le fer.

(Đôi mắt em nơi không gợi lên sự dịu ngọt hay cay đắng, Vì là hai món nữ trang trộn cả vàng lẫn sắt).

Hỏi ai là người con gái nào có được đôi mắt lạnh lùng như thế?

Từ đây tôi không còn có thể thỏa mãn với vẻ yêu kiều của một nàng Koharu (nhân vật trong vở tuồng “Chết chung vì tình ở Amishima” (Shinchuu Ama

no Amishima) của soạn giả Chikamatsu Monzaemon) hay nét u sầu của nàng Violette [Nhân vật nữ trong vở nhạc kịch Traviata của Ý.] hoặc Trà Hoa Nữ (Tsubaki-hime) Marguerite nữa. Họ quá yếu điệu, yếu ớt. Họ là những đóa hoa sẽ tan nát bẽ bàng dưới những trận mưa có tên là tập quán và luân lý, họ thiếu sự bất khuất của một loài độc thảo vốn không bao giờ tàn héo trước cơn bão của trừng phạt hay kỷ luật mà luôn luôn vươn về phía bầu trời của sự chết và sự hủy diệt như những chùm dây leo độc hại và những chiếc lá tội lỗi.

Hỡi nữ vương của điều ác! Khi tôi cúi cái trán chất chứa đầy phiền não xuống đôi ngực của nàng nơi mà dòng máu lạnh kia vọng lên âm thanh của những giọt vang đang nhỏ tí tách dưới đáy hầm chứa rượu tối tăm, tôi không cảm thấy

cái tình yêu đến từ một người tình nhưng là sự thân mật ruột rà của một cô chị cô em, sự che chở và chăm sóc của một bà mẹ hiền.

Cuộc sống phóng đảng thường gắn liền với cái chết. Thế thì bạn cứ việc cười cho sự rồ dại của tôi đi. Chẳng là tối hôm qua tôi vừa ngủ với một cô gái làng chơi và chúng tôi đã nằm ngủ say bên nhau như “một thây chết kể bên thây chết khác”.

(New York, tháng 4 năm 1907)

Dịch ngày 26/08/2021

Thư mục tham khảo:

1 - Nagai Kafuu, Yoaruki trong *Amerika Monogatari* (Truyện Bên Mỹ), từng thư

Iwanami Bunko, Nxb Iwanami, Tôkyô.
Sơ bản năm 1952, tái bản lần thứ 4 năm
2005. Nguyên tác Nhật ngữ.

2 - Nagai Kafuu, Night Stroll trong
American Stories do bà Iriye Mitsuko
dịch Yoaruki từ Zenshuu (Toàn tập) về
Nagai Kafuu , tập 18 của nhà Iwanami
ra đời năm 1964. Columbia University
Press (London, New York) xuất bản năm
2000. Bản ngoại văn tham chiếu.

Hàn sơn thập đắc

(Kanzan Jittoku, 1917)

Nguyên tác: Akutagawa Ryunosuke



Đầu ngày tôi mới đến thăm Natsume Soseki³ tiên sinh thì thấy thầy đang ngồi ở giữa đống sách vở trong thư phòng. Thầy khoanh tay và trầm ngâm như đang tập trung về một điều gì. Vừa mới hỏi:

– Thưa thầy, có chuyện gì đấy ạ?

Thì đã nghe thầy trả lời:

– Tôi mới đến Gokokuji (Hộ Quốc Tự) xem bức tượng Nii-ô (Nhân vương) mà Unkei⁴ (Vận Khánh) khắc trên cửa tam quan nhà chùa và vừa về xong.

³ Natsume Soseki (1867-1916) văn hào Nhật Bản, người đỡ đầu Akutagawa trong văn nghiệp và được ông xem như một người thầy.

⁴ Xem Yume Juya (Mười đêm mộng寐) của Soseki. Nguyễn Đỗ An Nhiên, Đinh văn Phước và Quỳnh Chi đã lần lượt dịch sang tiếng Việt. Còn Unkei (? - 1223) là một nhà điêu khắc tượng Phật đầu đời Kamakura (thế kỷ 13). Tượng Niiô là tượng ông thần trấn giữ của chùa.

Sau khi nghĩ rằng trong cuộc sống xô bồ này, nếu Unkei có ra sao thì cũng đã sao nào, tôi đã lợi dụng việc tóm được cái ông thầy hay đi chơi lông bông để bàn bạc về một hai đề tài có vẻ rắc rối một chút, với cả những cái tên như Tolstoy, Dostoievsky... trong đó. Ở nhà thầy ra, tôi lên xe điện từ trạm cuối của tuyến đường Edogawa và đi ngược lại.

Toa xe đầy nhóc người. Cuối cùng tôi đã níu được một dây vịn trong góc toa, lấy cuốn tiểu thuyết của Nga dịch sang tiếng Anh vẫn đem theo người và mở ra đọc. Sách chỉ toàn nói về cách mạng. Nào là chuyện một cô công nhân đã nổi khùng lên, mang tạc đạn (dynamite) đi ném và số phận của cô kết thúc như thế nào. Tất cả nội dung chứa đựng một sức mạnh bức bách và đen tối, có lẽ không một nhà văn Nhật Bản nào có thể viết

một hàng thay cho họ được. Dĩ nhiên, tôi lấy làm cảm kích và đã lấy bút chì màu ra gạch dưới không biết bao nhiêu dòng.

Thế nhưng khi đến trạm Iidabashi là nơi phải đổi tàu, nhìn ra con đường người qua kẻ lại bên ngoài cửa sổ, tôi bỗng nhận ra có hai người đàn ông dáng dấp vô cùng quái dị đang bước cạnh nhau. Quần áo hai người đều rách nát. Chẳng những thế, râu tóc họ bờm xờm và gương mặt trông rất cổ quái. Tôi có cảm tưởng mình đã gặp họ ở đâu đó một lần rồi nhưng moi óc mãi vẫn không nhớ ra. Chợt một ông có vẻ là dân bán đồ đồng nát (doguya) đang nắm dây vịn đứng bên cạnh tôi lên tiếng:

– Ôi dào, lại mấy ông Hàn Sơn Thập Đắc⁵ nữa đây!

5 Kanzan Jittoku (tên tiếng Nhật) của Hàn San và Thập Đắc, hai kỳ tăng đời Đường, sống đạm bạc, hành vi phóng túng như hai gã hành khất. Giỏi cả thi lẫn họa. Kanzan Jittoku là

Nếu nói như thế thì hai gã đàn ông chỏi vác trên vai, tranh cuốn trên tay này mới vừa đi ra từ một bức tranh của Dai-ga⁶ và đang lững thững bước. Tuy nhiên, dù có đến từ một bức họa người ta đang tranh giành nhau để mua đi nữa thì hai ông Hàn Sơn Thập Đắc bằng xương bằng thịt xuất hiện trên con đường Iidabashii hôm nay vẫn là một điều kỳ lạ khó tin. Tôi bèn nắm lấy tay áo của ông bạn có vẻ là dân bán đồ đồng nát, làm như muốn hỏi lại cho chắc:

– Này này, có phải đúng là Hàn Sơn Thập Đắc ngày xưa không nhỉ?

Thế nhưng ông ta chỉ nhìn tôi với bộ mặt tỉnh rụi và trả lời:

một đề tài được văn nhân Nhật Bản, trong số đó có Ôgai và Akutagawa, yêu chuộng.

6 Ike Taiga (Trì, Đại Ngã, 1723-1776), thi nhân cùng thời với Yosa Buson, cũng là một đại gia về thi họa, trong số tác phẩm có nhiều bức vẽ Hàn Sơn và Thập Đắc.

– Đúng đấy! Tôi vừa gặp họ bên ngoài Phòng Thương Mại⁷ mới có ít hôm thôi.

– Nhưng tôi tưởng hai ông đó đã chết từ đời kiếp nào rồi!

– Cái gì! Chết làm sao mà chết. Ô, nhìn xem. Ông đằng kia là Bồ Tát Phổ Hiền⁸, ngày ngày vẫn cười trên lưng cọp, dạo lên dạo xuống đại lộ Ginza đấy!

Từ lúc đó cho đến năm phút sau, khi xe điện bắt đầu chuyển bánh, tôi lại quay về với quyển tiểu thuyết Nga đang đọc dở dang. Chưa đầy một trang, tôi đã cảm thấy luyến tiếc hết sức hình ảnh kỳ quái của hai ông Hàn Sơn Thập Đắc mình

7 Phòng Thương Mại (Chamber of Commerce), ẩn dụ về chế độ tư bản?

8 Tương truyền Hàn Sơn THập Đắc còn là hiện thân của các vị bồ tát nổi tiếng trí tuệ như Văn Thù, Phổ Hiền.]. Bạn của hai ông đó là viên đại tướng có tên Thiên sư Phong Can [Phong Can: thầy của Hàn Sơn và Thập Đắc, tu trên núi Thiên Thai, tính nết còn cổ quái hơn hai ông học trò gấp bội.

vừa thấy hôm nay, còn hơn cả mùi khói tạc đạn. Từ bên trong cửa sổ toa tàu, tôi nhìn theo bóng họ nhỏ dần đến khi chỉ còn bé như hạt đậu. Tuy nhiên, tôi vẫn hình dung được rõ ràng cảnh họ đang bước thong dong trong ánh nắng dịu mát một ngày cuối thu với cây chổi trên vai⁹.

Vẫn nắm sợi dây vịn trong tay với quyển sách nằm nguyên trong ngực áo, rồi khi vừa tới nhà là tôi nghĩ ngay đến việc viết cho thầy Sôseki về việc mình vừa gặp được Hàn Sơn Thập Đặc trên đường phố Iidabashi. Trong lòng, tôi thầm nghĩ rằng nếu ngày nay hai người có bước trên đường phố Tôkyô thì cũng không phải là một chuyện hoàn toàn phi lý.

⁹ Có lẽ là hai lao công giữ vệ sinh thành phố.

Trích Toàn tập Akutagawa quyển 4
(1971-79)

Số hóa bởi trang mạng Aozora (2007)

Dịch ngày 14/5/2021

Mùa thu phương đông

(Tôyô no aki, 1923)

Nguyên tác: Akutagawa Ryunosuke



Tôi đang đi trong công viên Hibiya.

Trên bầu trời, mấy dải mây mỏng đang chồng chất lên nhau, chỉ có những hàng cây gần với đường chân trời còn giữ được ít màu xanh sót lại trên ngọn. Có lẽ vì thế nên dù bóng chiều chưa ập xuống, trên con đường len giữa hàng cây mùa thu, từ cát, đá cho đến cỏ khô đều đã ẩm ướt. Không đâu! Ngay mấy cành cây sung chìa ra hai bên bờ đường cũng đã loang loáng hơi sương. Rõ ràng là mỗi chiếc lá lá màu vàng còn đeo theo bên cạnh cái bóng âm thầm của nó và trong không khí, có cái gì giống như u uất đang bàng lảng đâu đây.

Tôi kẹp dưới nách một cây gậy bằng mây còn miệng thì ngậm thuốc đã tắt ngấm, buồn bã tiếp tục cuộc tản bộ nhưng trong đầu không có chủ đích là mình sẽ đi đâu.

Trên con đường se lạnh này, ngoài tôi ra không có ai khác. Mấy cành cây sung chìa ra ngoài đường lặng lẽ buông rủ những chòm lá màu vàng. Từ trong lùm cây nhòa sương phía trước lối đi, chỉ nghe vọng ra tiếng của một bồn nước đang phun. Tưởng chừng tiếng động lao xao ấy vẫn không hề ngừng nghỉ phút nào từ trăm năm nay. Hơn nữa, không hiểu vì sao, tiếng động của khu phố bên ngoài công viên cũng chỉ vọng lại như tiếng sóng biển sau khi cơn gió đã đi qua, rồi mất hút vào giữa mấy khóm cây tiêu điều. Đang suy nghĩ như thế, tôi chợt nghe tiếng chim hạc the thé nổi lên, át cả tiếng rì rào đều đặn của bồn phun nước. Hai ba lần như vậy, từ cái hồ ở mãi bên trong khu rừng phía xa, tiếng chim hạc lại cất lên, cao vút trên nền trời.

Tiếp tục cuộc đi dạo, tôi bỗng cảm

thấy có một sự mệt nhọc và uể oải khôn tả đang đè nặng lên lòng mình. Có lẽ nó là kết quả của cuộc sống chỉ vui đầu đọc sách không lấy một phút nghỉ ngơi của tôi thôi! Không lẽ tôi cứ chịu khổ sở một mình khi thấy sức sáng tác của mình tàn lụi, giống như kẻ đang đợi một buổi hoàng hôn trống trải tiến sát bên người.

Giữa lúc đó, trong công viên, dần dần chiều cũng đã về. Hai bên bờ con đường tôi đang bước, thoang thoảng mùi của rêu và mùi lá rụng lẫn vào với mùi đất ẩm, làm cho buổi chiều càng thêm lạnh. Trong đó, hương vị ngọt ngào duy nhất có lẽ là mùi hoa hay trái cây đang mục nát từ trong những bụi cây tôi không biết đến tên. Ngay trong vũng nước đọng trên con đường này hình như hãy còn có một đóa hoa hồng xanh xao, không biết ai đã ngắt đi hoặc vứt bỏ, nhưng làn

hương của nó không thể lẫn vào với mùi bùn đất. Phải chi cái thân thể đã gánh chịu bao mệt mỏi của tôi sẽ được những làn hương mùa thu như thế ngấm vào trong mọi ngõ ngách....

Đột nhiên tôi dừng chân lại...

Trên lối tôi đi, có hai người đàn ông đang cầm chổi quét những chiếc lá rụng bóng loáng nằm tán loạn trên mặt đường. Đầu họ tóc tai bờm xờm như tổ chim, quần áo màu đen nhưng đã bạc thếp, lại còn rách nát không đủ che da thịt, móng tay mọc chân dài ra như thú rừng. Nhìn cảnh đó, làm sao có thể nghĩ rằng họ là những lao công đang quét dọn công viên? Điều lạ hơn nữa là trong khi tôi đứng nhìn, có hai ba con quạ không biết từ đâu bay tới, nhanh nhẹn vẽ một đường vòng lớn rồi bay xuống phía đầu cổ hai người đang quét, lượn lòng vòng,

tranh nhau hạ cánh trước. Thế nhưng họ vẫn điềm nhiên quét những chiếc lá sung rụng đang bày ra đầy trên mặt đất.

Tôi từ từ quay gót. Vẫn ngậm điều thuốc lá đã tắt ngấm, tôi len giữa con đường tịch mịch nằm dưới hai hàng cây sung để đi về hướng cũ.

Tuy nhiên, giữa lúc này và không biết tự bao giờ, sự mệt mỏi và uể oải đã nhường chỗ cho một niềm vui lặng lẽ đang từ từ dâng lên và tràn ngập trong lòng tôi một cách mơ hồ. Việc nghĩ rằng hai người kia đã chết chẳng qua là một sự sai lầm đáng thương của tôi thôi. Hàn Sơn và Thập Đắc [Hai kỳ tăng đời Đường, sống đời phóng dật vô cầu, giỏi cả thi họa.] hãy còn sống mà. Dù đã trải qua không biết bao nhiêu đời kiếp, hai ông vẫn đến công viên này để cào những chiếc lá sung. Nhất định là khi nào hai

ông còn sống thì giấc mộng mùa thu của một phương Đông cổ xưa sẽ không thể biến mất trên đường phố Tôkyô. Giấc mộng mùa thu là cái đã hồi sinh được thẳng tôi, một kẻ mệt mỏi vì cuộc đời buôn bán chữ.

Tôi vẫn kẹp cây gậy mây dưới nách, bắt đầu huýt sáo một cách tươi vui và ra khỏi cổng Công viên Hibiya lộng lẫy, nơi ngập đầy những chiếc lá sung.

Tôi thì thầm một mình: “Hai ông Hàn Sơn Thập Đắc vẫn còn sống đấy!”

Tháng 3 năm Taishô thứ 9 (1923)

Trích Toàn tập Akutagawa quyển 4
(1971-79)

Số hóa bởi trang mạng Aozora (2007)

Dịch ngày 16/5/2021

Một ngày cuối năm

(Nenmatsu no ichinichi, 1926)

Nguyên tác: Akutagawa Ryunosuke



Tôi bước trên một cái ghềnh
vắng vẻ, chỉ có cỏ dại mọc đầy.
Dưới vực ngay chân ghềnh là cái ao con.

Trong ao, hai con chim nước đến sống ở cái ghềnh đó, đang bơi lội. Hai con chim này đều có màu xanh nhạt như màu rêu mọc trên ghềnh. Tuy vậy, tôi không nghĩ chúng là một giống chim đặc biệt. Chẳng những thế, nhìn cái màu tươi tắn của đôi cánh cũng như mọi thứ khác của chúng, tôi thấy có gì gây gây khó chịu.

...Đang nằm mơ như thế thì có vài tiếng động lách ca lách cách phát ra từ giấc mơ đó khiến tôi choàng tỉnh. Hình như đó là tiếng của cánh cửa kính căn phòng khách nằm vuông góc với phòng đọc sách của tôi. Tôi đang sửa soạn bài vở cho số báo xuân nên đã đặt giường ngủ ngay trên sàn thư phòng. Cả ba bài viết, công việc mà tôi hứa cho ba tờ tạp chí, đều không làm tôi mãn nguyện. Thế nhưng đây là công việc cuối cùng trong

năm nên tôi phải giải quyết cho xong trước khi trời sáng.

Dưới chân cánh cửa kéo bên cạnh giường nằm, có bóng mấy cành trúc đang lay động. Tôi bèn quyết định ngồi lên ngay ngắn, trước tiên là ra nhà sau đi giải cái đã. Dạo sau này, chưa bao giờ khi đi giải, tôi lại thấy hơi nước bốc lên nhiều như vậy. Đứng đầu mặt với bốn tiểu, tôi thầm nghĩ hôm nay trời có vẻ lạnh hơn mọi ngày. Bà bác [Ý nói bà Fuki, chị của mẹ ruột Akutagawa (bà Fuku) và là người đã nuôi dạy ông sau khi mẹ ông bị bệnh tâm thần. Lúc đó bà Fuki khoảng 70 tuổi.] và vợ tôi [Bà (Tsukamoto) Fumiko, vợ ông.] đều đã ra ngồi bên hàng hiên phòng khách và ra sức kỳ cọ mấy tấm cửa kính. Tiếng lách ca lách cách tôi nghe được chính ra đã đến từ nơi đó. Bác tôi mặc một chiếc áo khoác chần cộc, tay

áo lại buộc dây cho gọn, vừa vắt khăn lau trong một cái chậu, vừa nói như để đùa tôi: «Dậy đi ông ơi! Mười hai giờ rồi đấy!». Mà thật vậy, đúng là đã mười hai giờ. Trong phòng ăn nằm ở bên kia hành lang, đằng trước cái lò sưởi dài cũ kỹ, bữa cơm trưa cũng đã được dọn ra tự hồi nào. Không những thế, mẹ tôi [Ý nói bà Tomo, mẹ nuôi của tác giả, năm ấy 69 tuổi.] đang cho Takashi [Con trai thứ hai của tác giả, năm đó lên 4.], đứa con trai thứ của tôi, uống sữa và ăn lát bánh mì nướng. Thế như tôi vẫn quen thói xem như bây giờ hãy còn là buổi sáng nên đi xuống bếp, nơi vốn không có ai, để rửa mặt.

Sao khi ăn xong bữa sáng và cũng là bữa trưa, tôi thọc hai chân vào cái lò sưởi kotatsu đặt chìm (okigotatsu) trong thư phòng và bắt đầu đọc hai ba thứ báo. Mấy

bài báo toàn viết chung quanh đề tài tiền thưởng cuối năm mà các xí nghiệp sẽ trả cho nhân viên và số doanh thu của mấy cái vợt hagoita [Vợt gỗ để các thiếu nữ và trẻ con chơi đánh cầu trong dịp Tết.] đã đến mức nào rồi. Thế nhưng nó không đem đến cho lòng tôi một tia ấm áp nào cả. Thường thì khi nào bị bắt phải làm cho xong việc, người tôi cứ bài hoải ra một cách lạ lùng. Nó giống như cái cảnh sau khi gần đàn bà, dù mình có muốn thế nào cũng cứ oải.

Anh K đến chơi lúc gần hai giờ chiều. Tôi bèn mời anh K cho chân vào sưởi trong kotatsu và bàn với nhau về mấy công chuyện phải giải quyết. Anh K mặc một cái áo vét có kẻ sọc. Trước đây anh là đặc phái viên ở Phụng Thiên của một tờ báo, còn bây giờ là ký giả nằm ngay tòa soạn.

– Sao anh? Có rảnh thì mình ra ngoài đi đâu chơi?

Tôi nói vậy vì khi vừa xong mấy việc cần bàn, tôi thấy mình coi bộ khó lòng giữ nổi ý định chôn chân nằm nhà.

Anh K có vẻ lừng khừng và hỏi ngược lại tôi:

– Ồ, đến khoảng bốn giờ chiều thôi thì được... Thế anh đã định dắt tôi đi đến chỗ nào chưa?

– Tôi chẳng biết đi đâu. Đi đâu cũng được

– Hôm nay mà đi thăm mộ thì anh thấy thế nào?

Mộ mà anh K nói là ngôi mộ [Mộ của Natsume Sôseki (1867-1916) nằm ở nghĩa trang Zôshigaya thuộc khu Toy-

oshima trong thành phố Tôkyô. Khoảng 1915 trở đi cho đến lúc Sôseki mất (1916), Akutagawa thường đến gặp Sôseki và xem ông như một người thầy.] của thầy Natsume Sôseki [Người đã tiến cử Akutagawa với văn đàn.]. Cách đây nửa năm, tôi đã hứa với K., một độc giả hâm mộ thầy là sẽ chỉ cho anh ngôi mộ đó. Việc anh rủ đi thăm mộ vào một chiều cuối năm bỗng nhiên lại phù hợp với tâm trạng của tôi trong lúc này.

– Vậy mình đi thăm mộ nhé!

Tôi bèn choàng áo khoác lên người và cùng ra khỏi nhà với anh K.

Trời tuy lạnh nhưng tạnh ráo. Trên con dốc Dôzaka [Dốc này vẫn còn có trong khu Bunkyo thành phố Tôkyô.] vừa cao vừa hẹp, người qua lại cũng đông hơn ngày thường. Những cảnh tùng

và trúc chưng như cây nêu trước nhà (kedomatsu) cũng đã được đặt bên cạnh ngôi nhà nhỏ mái lợp ván dùng làm trụ sở của Hội Thanh Niên khu Tabata. Khi nhìn khu vực này, tôi không khỏi chạnh lòng nhớ về thời niên thiếu và tâm sự của mình trong những ngày tháng chạp.

Hai đứa tôi ra đợi xe điện và leo lên đi về hướng Gokokuji (Hộ Quốc Tự) [Một ngôi chùa danh tiếng của phái Chân Ngôn (Shingon) xây lên từ năm 1680, nằm ở Ôtsuka thuộc khu Bunkyo.]. Xe tương đối trống. Anh K cứ để nguyên cổ áo dựng đứng, nói với tôi những chuyện như việc cuối cùng anh đã tìm ra một tấm bìa (shikishi) trên đó có chép bài thơ ngắn (tanjaku) của thầy.

Thế rồi khi chúng tôi vừa qua khỏi trạm Fujimae [Trạm xe điện đường nằm trước mặt ngôi đền thần đạo Fuji (Fuji

Jinja).] thì bỗng có một bóng điện tình cờ tuột ở đâu ra và rơi xuống mặt sàn khoảng giữa toa xe, vỡ thành từng mảnh vụn. Ngay chỗ đó có một người đàn bà tuổi độ hăm bốn, hăm lăm với khuôn mặt và dáng điệu khó thương, một tay cặp cặp còn tay kia thì đang nắm dây treo. Hình như lúc bóng điện rơi xuống đất, nó hơi chạm mái tóc trước trán của cô ấy. Cô ta bèn làm mặt khó chịu và đảo mắt nhìn người trong toa một vòng. Đúng là khuôn mặt đang đi tìm một sự đồng tình hay sự chú ý của người khác. Thế nhưng không thấy ai làm gì cả, như thể họ hoàn toàn lãnh đạm với cô ta. Lúc đó tôi vừa nói chuyện với anh K. vừa cảm thấy trên khuôn mặt của cô có cái gì kỳ khôi, không phải vì sự lỗi nhịp của cô với những gì ở chung quanh cô nhưng vì đó là một cố gắng không đem lại kết quả nào.

Chúng tôi xuống xe ở trạm cuối tuyến đường, đi ngang qua dãy tiệm bán đồ thờ cúng và đi về hướng nghĩa trang Zôjigaya.

Hôm nay, nghĩa trang cũng vẫn vắng vẻ, với hàng cây bạch quả (ginkgo) cổ thụ đã trút hết lá. Ngay trên con đường trải sỏi cát rộng rãi nằm ở trung tâm nghĩa trang cũng không thấy bóng người lai vãng. Tôi cứ đi đằng trước anh K. rồi rẽ qua một con đường nhỏ nằm ở bên phải. Trên con đường nhỏ ấy, ở giữa cái hàng rào bằng cây tươi với bụi gai “kana-memochi” [Được biết là một loại cây bụi, họ hồng (bara), đến mùa thì ra hoa trắng và có quả nhỏ màu đỏ (Chinese hawthorn)] và hàng rào sắt đã phủ bởi một lớp sét rỉ màu đỏ, có nhiều mộ lớn một nhỏ nằm bên nhau nhưng sao cứ đi

mãi ra phía trước mà tôi vẫn chưa gặp ngôi mộ của thầy.

– Hay là trên con đường ở phía trước nữa?

– Dám lắm đó!

Tôi bèn đi ngược trở ra khỏi con đường đó, vừa nghĩ đến chuyện vì bị thúc hối chuyện bài vở nên mình chẳng mấy khi đi thăm mộ của thầy. Tuy vậy, tuy không tới đó bao nhiêu lần nhưng tôi không tin rằng mình lại có thể quên địa điểm của ngôi mộ được.

Con đường tiếp sau là một con đường rộng hơn một chút nhưng ở đây tôi vẫn không tìm ra mộ thầy. Thay vì lại quay trở ra, lần này hai đứa đi về phía tay trái bên trong hàng rào, nhưng vẫn không thấy ngôi mộ đó đâu, Chẳng những thế,

mấy khoảng đất trống mà tôi nhớ rằng mình có lần thấy, lần này cũng chẳng kiếm ra.

– Không có ai để mình hỏi thăm nhỉ?
....Gay thật!

Tôi cảm thấy mấy lời anh K. vừa nói sao mà nghe rõ ràng như một tiếng cười khẩy. Thế nhưng trước đây chính tôi là người từng nói sẽ chỉ chỗ cho anh thì tôi đâu có quyền nổi cáu.

Không biết sao hơn, chúng tôi mới lấy hàng cây bạch quả làm chuẩn và quẹo qua con đường hông thêm một lần nữa. Thế nhưng ở đây vẫn không thấy mộ. Dĩ nhiên trong lòng tôi, bắt đầu có sự bức bối. Thế nhưng nằm khuất ở một xó nào đó là một nỗi cô đơn. Không biết từ bao giờ, tôi bắt đầu cảm thấy hơi nóng trong người mình bốc lên dưới làn áo khoác

và nhớ lại rằng có lần tôi đã trải nghiệm điều này rồi. Đó là cái hôm hồi còn bé, tôi bị đứa đầu đảng trong đám con nít (gakidaishô) bắt nạt, nhưng đã không dám khóc và chỉ biết chịu đựng cho đến lúc về tới nhà.

Sau khi đã đi qua đi lại nhiều lần trên cùng một con đường nhỏ, tôi mới gặp một bà nhân công phụ trách quét dọn nghĩa trang đang đốt đồng lá mộc lan (mokuren) [Mộc liên / mộc lan / magnolia.] khô, bèn hỏi đường. Rốt cuộc, chúng tôi đã được bà dắt đến ngay ngôi mộ lớn của thầy.

So với lần trước khi tôi đến đây, ngôi mộ đã cũ đi nhiều. Hơn thế, vùng đất chung quanh mộ đã bị sương xâm thực. Trừ một bó hàn cúc [Hàn cúc là hoa cúc nở muộn muộn vào mùa lạnh, còn gọi là văn cúc, tàn cúc hay đông cúc.] mà ai đó

đã đem đến cúng hôm mồng chín [Ngày mồng 9 tháng 12 là húy nhật của Natsume Sôseki (9/12/1916)] và một bó nam thiên (nanten) [Qua cái tên chữ Hán là “nam thiên” thì hiểu là một loài cây đến từ Nam Thiên Trúc, người dịch chưa rõ cây gì. Tiếng Anh là nandin, nandina.] thì không có vật gì khác biểu lộ sự thân tình. Anh K. bèn cố ý cởi cái áo khoác ngoài và kính cẩn cúi đầu trước mộ. Riêng về phần tôi thì cảm thấy mình không có đủ can đảm để có thể điềm nhiên cúi đầu trước thầy được như K.

– Đã mấy năm rồi nhỉ?

– Chắc đã được chín năm.

Chúng tôi vừa trao đổi mấy câu như vậy, vừa đi trở về phía trạm xe cuối của tuyến đường Gokokuji.

Tôi với anh K. cùng leo lên xe điện nhưng chỉ có mình tôi là xuống trạm Fujimae. Thế rồi sau khi đến thăm một người bạn ở Đông Dương Văn Khố (Tôyô Bunko) [Thư viện đặc biệt lưu trữ thư tịch Đông Phương do nhà tư bản Iwasa-ki Hisaya thành lập năm 1917, cũng nằm trong khu Bunkyo, nay là một chi nhánh của Thư Viện Quốc Hội.], đến cuối ngày thì về đến dốc Dôzaka.

Vì đúng giờ khắc người ta đi lại nên trên dốc Dôzaka giờ đây lại càng thêm đông đúc. Qua khỏi con đường có Canh Thân Đường (Kôshindô) [Ngôi đền thờ vị thần Thanh diện kim cương của năm Canh Thân.], số bộ hành bắt đầu giảm. Tôi thu mình lại, cắm cúi bước và không thèm để ý đến ai.

Trên con dốc Hachimanzaka nằm đằng sau một khu mộ địa [Đây là một

nghĩa trang khác và rất nổi tiếng ở Tabata, gần nhà Akutagawa,], tôi lại thấy có một người đàn ông đang kéo một chiếc xe thô chất nhiều cái hộp, đang chống tay vào càng xe nghỉ mệt. Mới nhìn qua thì chiếc xe thô này trông như xe chở hàng cho hiệu thịt, thế nhưng đến gần mà xem mấy chữ viết trên thành xe thì mới biết đó là xe hàng của Công Ty Nhau Thai Tôkyô (Enagaisha) [Công ty chuyên môn đi vớt “rác thải” cho các nhà thương hay nhà bảo sanh.]. Sau khi đến từ sau lưng và lên tiếng gọi, tôi đã phụ ông ta để cùng nhau đẩy chiếc xe phom phom lên dốc. Khi đẩy giúp ông như thế, trong bụng tôi không khỏi cảm thấy bần thủ gớm ghiếc nhưng đồng thời lại nghĩ rằng việc mình ra công gắng sức như thế này cũng đỡ dần được cho người ta.

Cơn gió bắc từ trên dốc đôi lúc thổi

xuống trúng ngay vào giữa mặt tôi. Mỗi lần như thế, hàng cây trong nghĩa trang lại rung lên xào xạc và đổ lá xuống ào ào. Trong cái ánh sáng nhòa nhạt cuối ngày, không hiểu sao tôi lại cảm thấy phần chần, làm như thể tôi cũng đang ra sức tranh đấu với bản thân để tiếp tục đẩy một chiếc xe chất đầy hộp và tiến về phía trước.

(Tập chí Shinchô, số tháng 1 năm 1926)

Dịch ngày 19/07/2021

Bên lề tác phẩm:

Nguyên tác nằm trong Tuyển tập Gesaku Zammai-Ikkai no Tsuchi của Akutagawa do Shinchô Bunko, sơ bản 1968. Bản sử dụng là bản tái bản lần thứ 53 năm 1999, từ trang 236-241. Nội dung trình bày lòng quý mến của Akutagawa

đối với Natsume Sôseki , quan niệm cá nhân về vai trò của một nhà văn trong cuộc sống cũng như dự báo trạng thái tâm thần kiệt quệ của ông một năm trước khi tự kết liễu đời mình.

Cúc mọc trên đá

(Iwa ni kiku, 1952)

Nguyên tác: Kawabata Yasunari



Không biết đó là loại đá nào¹⁰!
 Tôi đã lật quyển Genshoku Nihon Ganseki Zufu (Nguyên sắc Nhật Bản nham thạch đồ phổ - Quyển từ điển về các loại khoáng thạch của Nhật với ảnh chụp theo màu sắc thiên nhiên kèm thêm lời chú dẫn) của hai ông Wada Yaezô và Awazu Hideyuki để thử tra xem nhưng vẫn không sao hiểu. Một người dốt nát về khoáng vật như tôi thì dù có trước mắt một quyển sách liệt kê các loại đá dưới dạng hiện vật, cũng khó lòng quả quyết là đá của cái ghềnh đó ăn khớp với cái ảnh nào. Hơn nữa, đã trên ba mươi năm nay, tôi chưa nhìn lại ghềnh đá ấy. Nó nằm tận một chốn thật xa, đó là quê hương tôi.

Mặt trước của ghềnh đá ấy có một

¹⁰ Thành ngữ Nhật Bản Iwa ni kiku (Cúc mọc trên ghềnh đá) hay Iwa ni hana (Hoa mọc trên ghềnh đá) ý nói việc không thể có hay không tương tượng nổi.

cái hỏm ăn khuyết vào (kubomi) thật lớn. Chỉ cần đổ một chút đất lên là đã có thể trồng hoa cúc. Tôi còn nhớ mình đã thấy nơi đó những đoá cúc trắng đang nở. Đó là loại cúc cánh chụm vào nhau nên trông giống quả tú cầu. Giờ đây, trong bất cứ tiệm bán hoa nào ở Kamakura¹¹ người ta cũng bày bán loại hoa cúc đại đoá nhưng hoa ngày xưa tôi được thấy có lẽ vì là hoa đại, không có bàn tay người chăm sóc, dù cùng là một giống, chúng lại có phần bé hơn

Những đoá bạch cúc ở các cửa hàng hoa ở Kamakura thì nặng nề cho nên khi được cắm vào một cái lọ quá nhỏ, đoá hoa thấy như đang gục xuống. Còn giống bạch cúc nở trên ghềnh đá, chỉ bé thôi nhưng được sống yên bình.

¹¹ Thành phố Kamakura cách Tôkyô vài giờ tàu điện là nơi Kawabata sinh sống trong chiến tranh và cả lúc viết tác phẩm này (1952)

Ngoài ra, hoa cúc ấy không phải được đem trồng ở chỗ đó để tưởng nhớ hay an ủi ai. Mục đích của chúng là để cúng kiếng.

Có một cái đầu đàn bà đã hiện ra từ trên ghềnh đá ấy. Một vong hồn. Nếu cầu siêu và đem hoa tới cúng, nó sẽ không hiện ra nữa. Người ta mới kể rằng từ đó, mỗi năm, hoa cúc đã được đem đến trồng vào chỗ lõm trên ghềnh đá.

Đã ba mươi năm rồi, tôi không trở lại làng xưa. Dù suốt cuộc đời, mỗi năm tôi vẫn có dịp nhìn hoa cúc nở nhưng không hề nhớ lại khóm hoa trên ghềnh đá ấy. Dù vậy mùa thu năm nay, bỗng nhiên tôi có cơ hội đặc biệt để suy ra rằng ghềnh đá ấy phải là một cái tháp cúng dường hay một tấm bia mộ.

Tôi đã đi thăm nhiều ngôi chùa ở Kamakura để tìm hiểu nghệ thuật chạm khắc trên đá của tiền nhân.

Tôi có lần nói với người ta:

– Di tích thời Kamakura nay sót lại trong thành phố kể ra không có bao nhiêu nhưng các bác không thấy phần lớn các di tích còn nguyên vẹn đều là những vật làm bằng đá hay sao? Chẳng hạn bảo khiếp ấn tháp (hokyôintô¹²) của vị khai sơn chùa Giác Viên (Gakuenji) hay bảo khiếp ấn tháp nơi chôn vị trụ trì đời thứ hai, Ngũ Luân Tháp nơi chôn cao tăng Nhẫn Tính (Ninshô, 1217-1303) ở Cực Lạc Tự (Gojurakuji), cổng chào (torii) bằng đá của Thần cung Tsurugaoka Hachiman

12 Chữ hokyô (bảo khiếp) có nghĩa là hòm rương báu. Tháp này chứa các bộ kinh đà la ni (thần chú) và được xem như tháp mộ, thường nằm trong khuôn viên nhà chùa và dành cho các nhà sư trụ trì đã quá cố. Xuất phát từ thế kỷ thứ 10 ở vùng Ngô Việt bên Trung Quốc, sau truyền vào Nhật. Ở Kamakura loại tháp mộ như thế rất phổ biến.

hay ngọn tháp vô phùng (muhôtô¹³) của Đại Giác thiền sư (Daigaku Zenji) chùa Kiến Trường (Kenchôji) đều được xem như quốc bảo của đời xưa (cựu quốc bảo). Còn những mỹ thuật phẩm trọng yếu thì có thể kể đến bảo tháp của Biệt Nguyên Tự (Betsuganji) nơi có bảo khiếp ấn tháp để tướng Uesugi Norikata¹⁴ (1335-1394) có thể tu hành sau khi chết¹⁵ và một vài nơi khác, hay bảo khiếp ấn tháp của Hôjô Shigetoki¹⁶ (1191-1261) đều đã được chỉ định là di tích lịch sử. Lại nữa, hãy còn có các di tích bằng đá khác như bia Kuri-kara-itabi ở đền thần đạo Gosho (Ngũ

13 Còn gọi là Rantô (Noãn tháp) giống hình quả trứng tượng trưng cho bào thai nhưng lại có từ 6 đến 8 góc (lục giác hay bát giác), là loại thạch tháp thường dành làm nơi chôn các thiền tăng.

14 Võ tướng thời Mạc phủ Ashikaga, thay mặt nhà chúa cai quản miền Đông Nhật Bản.

15 Nguyên tác: gyakushu (nghịch tu) tức sám hối về hành động lúc sinh tiền

16 Võ tướng thời Kamakura, nhân vật quan trọng trong tập đoàn Hôjô, sau xuất gia.

Sở) hay ngọn tháp 7 tầng (Shichijuutô) của Uesugi Michiai hoặc tượng đá ngài Jizô (Địa Tạng) ở Tỉnh Quang Minh Tự (Jôkomyôji). Thời Kamakura rõ ràng là giai đoạn toàn thịnh của mỹ thuật đá.

Tuy nhiên, số người muốn đi dạo để có dịp thưởng thức những tác phẩm bằng đá này có lẽ không nhiều. Tôi đã sống ở Kamakura 15 rồi năm mà tận mùa thu năm nay, chưa bao giờ thấy mình có hứng thú. Phần lớn chúng đều là những ngôi mộ cổ.

“Vì toàn là mồ mả! » Tôi giải thích với người trong nhà như vậy, nên cứ đi xem một mình, chẳng mời ai.

Tuy bảo chỉ là mồ mả nhưng đây là lần đầu tôi mới dạo bước để được nhìn chúng. Trong số bạn bè và kẻ quen biết của tôi, nhiều người đã qua đời. Sau khi

mộ họ xây xong, tôi được thấy phần nhiều mộ đều làm bằng đá với đủ mọi hình dáng. Sau khi đứng trước mộ để hồi tưởng về người đã khuất, tự nhiên tôi lại quay ra suy nghĩ về cái hình thù bằng đá đang hiện ra trước mắt mình.

Trong đám bạn bè của tôi, đã có người xây một ngôi mộ dựa theo hình bảo khiếp ấn tháp cho bà vợ mất trước anh. Nghe nói bảo khiếp ấn tháp là do Tiền Hoàng Thúc đã mô phỏng hình ảnh Kim đồ tháp (Tháp tô vàng) để tạo ra. Vua đất Ngô Việt là Tiền Hoàng Thúc đã phỏng theo vua A Dục¹⁷ (Ashôka), người từng kiến tạo 8 vạn 4 nghìn tháp bằng đồng và đặt vào đó Bảo khiếp ấn chú kinh rồi đem chia cho các nước. Một phần cũng đã được truyền đến Nhật... Cái tháp tô vàng bé nhỏ (Kim đồ tháp)

¹⁷ Vua A Dục là vị vua sùng Phật bên Thiên Trúc. Còn con số 84.000 ám chỉ vô số kinh.

đầu tiên được tạo ra trên đất Nhật vào năm thứ 9 niên hiệu Tenryaku (Thiên Lịch) (955), còn như những di phẩm của bảo khiếp ấn tháp thì đến đời Kamakura mới thấy xuất hiện. Những tác phẩm đẹp đẽ dưới dạng bảo khiếp ấn tháp có thể nói chỉ có vào thời Kamakura mà thôi.

Nhân vì tôi sống trong cái thung lũng hơi nông (yato) của chùa Giác Viên (Gakuonji) ở Nikaidô¹⁸ đã trên 10 năm nên có dịp đi thăm cùng khắp các ngôi chùa tại đây. Khi dạo chơi như thế, tôi đã được ngắm thỏa thích hai ngọn tháp nổi tiếng của ngôi chùa ấy. Thế mãi đến gần đây, tôi mới được biết ngọn tháp của vị tổ khai sơn cũng như ngọn tháp của vị tổ đời thứ 6 là Đại Đăng [Tức Đại Đăng quốc sư (Daitô Kokushi), danh hiệu của

18 Tên vùng đất ở Kamakura nơi Shôgun Yoritomo lập chùa để cầu hồn cho các chiến sĩ của ông chết trong cuộc chiến tranh ở miền Đông Bắc.

Tông Phong Diệu Siêu (Shuuhô Myôchô (1282-1337), thiền tăng tông Lâm Tế (Rinzai) sống vào cuối thời Kamakura.] hòa thượng là hai ngọn bảo khiếp ấn tháp lớn và đẹp nhất miền Đông (Kantô). Do hậu quả của trận động đất lớn năm Taishô thứ 12 (tức 1923), phần trên của ngọn tháp của vị tổ khai sơn đã bị đổ xuống, lúc đó mới thấy bên trong thân tháp có hai cái huyết nhưng hình như chỉ một bên là có đặt di cốt.

Từ cửa sổ ô-tô-buýt khi xe vượt qua ngọn đèo Thập quốc¹⁹ (Jikkoku), đôi khi tôi có nhìn xuống bên dưới con đường núi và thấy có ngôi mộ và ngôi tháp gọi là tục tháp²⁰ của Tada Mitsunaka²¹

19 Ngọn đèo ở gần Kamakura cạnh biên giới 10 tiểu quốc (phiên) thời xưa.

20 Có lẽ là tháp mộ của người không xuất gia.

21 Trước có tên là Minamoto sau vì sống ở vùng Tada nên được lấy đất làm tên. Là võ tướng đời Heian trung kỳ, có công phò tá Thiên hoàng Seiwa.

(921-997). Nó là một bảo khiếp ấn tháp thời Kamakura. Ngoài ra, ở vùng Shin Kyôgoku sấm uất của thành phố Kyôto, cũng thấy có ngôi mộ và tạc tháp của bà Izumi Shikibu²². Đó cũng là một bảo khiếp ấn tháp khác của thời Kamakura. Tháp cao 11 shaku 5 sun (khoảng 3, 8 m), trong khi đó ngọn tháp ở Giác Viên Tự trên 13 shaku (khoảng 4, 3m). Tuy vậy, nếu là bảo khiếp ấn tháp thì tháp khổ nhỏ có khi hoa lệ và tinh xảo hơn, lại có thể giúp ta biết đây là ngôi mộ dành cho phụ nữ.

Được sống trong thung lũng chùa Giác Viên nơi có những ngôi mộ đá (thạch mộ) đẹp nhưng mấy ngôi mộ đầu tiên mà tôi thấy là đẹp lại nằm trong khuôn viên chùa Đại Đức (Daitokuji) ở Kyôto. Tôi muốn nói đến bảo tháp mộ của Sen

²² Nữ thi nhân triều Heian, năm sinh và mất không rõ. Một trong 36 ca tiên thời trung cổ.

no Rikyuu²³ (1522-1591) và ngọn thạch đăng mộ của Hosokawa Sansai²⁴ (1563-1645). Bảo tháp và thạch đăng là vật mà hồi còn sống Rikyuu và Sansai yêu thích nên các ông đã lấy chúng làm mộ. Từ đầu tôi đã nhìn chúng như những món đồ được hai ông Rikyuu và Sansai cho là đẹp. Rồi có lẽ nhờ ở ảnh hưởng của trà đạo, tôi đã cảm thấy nơi chúng một sự gần gũi và tươi tắn chứ không coi chúng như những ngôi cổ mộ bình thường.

Thân tháp của ngôi bảo tháp Sen no Rikyuu có một chỗ như hình cánh cửa đục lõm vào bên trong. Khi nghiêng tai kề vào đó, nghe âm thanh tiếng nước sôi

²³ Sen no Rikyuu (Thiên Lợi Hư): Nrà sư nổi tiếng nhất của Nhật. Sau vì làm trái ý Toyotomi Hideyoshi, bị chủ nhân và cũng là người từng sủng ái ông buộc ông phải mổ bụng tự sát.

²⁴ Túc Hosokawa Tadaoki: Sansai (Tam Trai) là Phật hiệu. Võ tướng thờ 3 đời thủ lãnh từ Oda Nobunaga, Toyotomi Hideyoshi cho đến Tokugawa Ieyasu. Ông là lãnh chúa vùng Kokura (trên đảo Kyushuu)

réo như ngọn gió tùng. Tôi bèn đút đầu mình vào. Cái mặt tôi gầy nên chỉ vừa đủ chỗ, khi rút đầu ra, xương má thiếu điều bị cắn vào đá.

Khi nghe hỏi:

– Thầy có nghe tiếng ấm nước sôi lên không?

Tôi bèn trả lời:

– Ờ nhỉ! Nếu mình nghĩ rằng sẽ nghe được tiếng gì đó thì sẽ nghe thấy mà thôi!

Dù có đút đầu vào bên trong mộ đá, tôi không nghĩ rằng nó là một ngôi mộ mà chỉ muốn nghe được tiếng nước sôi trong ấm của Rikyu đến từ nơi đó.

Tôi mới bảo:

– Hình như Rikyu rất yêu cái tháp

đá này nên mới có truyền thuyết là ông đã ăn trộm nó từ sơn lăng của Thái thượng hoàng Nijô (Nijô-in) nằm dưới chân núi Funaoka²⁵..

Sở dĩ có tư tưởng về bảo tháp là vì nó đã được nhắc đến trong Kiến Bảo Tháp Thập Nhị Phẩm của bộ kinh Pháp Hoa (Hokekyô). Truyện kể rằng khi Đức Thích Ca giảng kinh trên núi Linh Thứu thì từ dưới lòng đất, một bảo tháp bằng 7 loại ngọc quý (thất bảo) đã bắn vọt ra và bay lượn trong không trung. Từ bên trong bảo tháp trang nghiêm ấy, có tiếng nói vọng ra ca ngợi Đức Thích Ca. Ngài mới lấy một ngón tay phải để mở cửa tháp thì thấy Phật thân của Đa Bảo Như Lai đang ngồi tọa trên lưng sư tử. Đức Thích Ca bèn cùng chia phân nửa chỗ ngôi. “Lúc đó đại chúng thấy trong tháp

²⁵ Tuy gọi là núi nhưng chỉ là tên một ngọn đồi ở phía bắc Kyôto nổi tiếng là nơi ngắm tuyết (yukimi).

làm bằng thất bảo có hai vị Như Lai đang ngồi kiết già trên mình sư tử, mọi người đều xin Phật dùng phép thần thông để cho họ được ngồi ở chốn cao xa và hư không như chư Phật. Thích Ca trả lời: Đa Bảo Phật vốn ở trong bảo tháp, thường đi dạo chơi khắp nơi là vì ngài có nghe lời kinh này”. Như lời Thích Ca đã dạy, nơi nào kinh Pháp Hoa được rao giảng thì ngọn tháp có Đa Bảo Như Phật lại hiện ra nơi đó.

Vì vậy, trong trường hợp bảo tháp bằng đá, ở bộ phận của trục tháp - có khi là chính diện, có khi là bốn phía - đều có chạm khắc hình những cánh cửa. Trên tháp đá ngôi mộ của Rikyuu, chỗ khắc cánh cửa là nơi có hốc lõm. Tháp cao trên 6 shaku (khoảng 2 m), đục từ một tảng đá nguyên khối và có hình thù rất hiếm thấy..

Thạch đăng của Sansai nghe nói đã được cho mang đi theo mỗi lần ông phải lên phủ Chúa để hầu việc (sankin kôtai²⁶). Dù sao, mộ của Rikyuu và của Sansai đều không phải là do các tay thợ đá (ishiya) làm ra sau khi các ông mãn phần. Chúng là những cổ vật đã được kiến tạo ra từ trước. Hai người lúc còn sống đã xem chúng như mỹ thuật phẩm họ yêu thích. Món đồ với vẻ đẹp mà họ từng thấy lúc còn sống đã được giữ nguyên hình dáng để trở thành nắm mồ của họ. Đó là một cách thức xây phần mộ khá lý thú. Trung tâm của cái đẹp nơi phần mộ là hình dáng của tảng đá làm ra ngôi mộ (mộ thạch).

Có lẽ Rikyuu đã vẽ ra trong đầu

26 Chế độ chính trị của Mạc Phủ Tokugawa bắt các lãnh chúa địa phương phải lên sống ở Edo một thời gian, tuy gọi là đi hầu việc nhưng cốt để nhà chúa bắt họ ăn xài tiêu tán tài lực và tiện bề kiểm soát như con tin.

cách thiết kế bảo tháp theo kiểu mình yêu thích. Thế nhưng, nếu ông trao bản thiết kế này cho thợ đá và bảo họ làm nên nó sẽ không thể nào được coi là một tác phẩm đẹp để dùng làm bia mộ cho ông. Không những chúng không bộc lộ được sức mạnh của thời đại ông sống mà còn in dấu vết những cái gọi là sét rỉ của thời đại ấy.. Tuy từ thời Momoyama (hậu bán thế kỷ 16), dựa trên sở thích của giới trà sư, các ngọn thạch đăng đã được chế biến theo nhiều hình thái khác nhau nhưng phải nói là sau thời Kamakura trở đi (thế kỷ 12 đến đầu 14), nghệ thuật của nó bắt đầu suy thoái và phong cách ban sơ đã không còn nữa. Những vị như Rikyuu phải chọn lựa những gì mình thích từ những tác phẩm mỹ thuật làm bằng đá từ đời xưa (có sức mạnh mà thời đại của ông không bì kịp) để làm mộ cho mình. Hành động của các ông bị coi như

xa hoa và ngạo mạn một cách cùng cực nhưng đồng thời, cũng có thể được xem là thanh nhã và khiêm cung. Ngay người đời sau như chúng ta đây, khi đến chiêm bái mộ phần họ, sẽ phải cảm động sâu sắc biết bao khi đứng trước các ngọn bảo tháp và thạch đăng này. Thiết tha với bảo tháp và thạch đăng đến độ đem nó về để làm mộ mình thì ta có thể nghĩ rằng các vị đó đã quán triệt tất cả cái đẹp của cuộc nhân sinh, ngay cả một nắm mộ đá.

Thế rồi trong khi dạo bước để ngắm các mỹ thuật phẩm bằng đá ở vùng Kamakura, cái hiện ra đầu tiên trong óc tôi là ngôi mộ của Rikyuu và của Sansai.

Thấy tôi hay ngắm nghía những tấm ảnh trong tập tranh ảnh về mỹ thuật phẩm bằng đá, người trong nhà cũng ghé mắt vào và thấy phần nhiều là những ngôi mộ nên có hỏi tôi:

– Sau này ông muốn mộ mình như thế nào?

Tôi đã trả lời:

– Thì tôi đã mua sẵn mấy món cổ vật mà mình thích.

Hiện giờ đã có những tháp đá (thạch tháp) khá đẹp để làm mộ được đem ra mua bán như những món đồ mỹ nghệ. Nếu phải xây cho mình một nấm mộ thì tôi sẽ học theo cách của hai ông Rikyuu và Sansai, nghĩa là trong khi còn sống, đi chọn những món đồ mình thích. Tôi đã say sưa tưởng tượng đến cái cảnh đó. Chỉ cần nghĩ mình sẽ có một ngôi mộ làm bằng một thứ đồ mỹ nghệ cổ dù đó là đa bảo tháp, bảo khiếp ấn tháp, ngũ luân tháp, vô phùng tháp, hay cả thạch Phật hoặc thạch đăng... cái tình cảm khó chịu khi nghĩ đến việc đi xây mộ cho mình đã

có phần nào nhẹ bớt. Người đến viếng thăm mộ sẽ cảm được cái đẹp. Tuy đó là cái đẹp tôi nhìn ra nhưng nó không phải là cái đẹp do tôi hay thời đại của tôi kiến tạo. Đó là cái đẹp mà bây giờ có muốn chế ra cũng không được nữa. Đó là cái đẹp mà Nhật Bản cổ đại đã truyền lại, nó nằm trong tảng đá mà cho đến nhiều đời sau, cũng vẫn còn đó. Bên trong sinh mệnh lâu dài của đá giữa dòng thời gian đang trôi, có cái sinh mệnh ngắn ngủi của tôi.

Những cổ mỹ thuật phẩm bằng đá thì cứ để nguyên thế mà dùng nên trên đó sẽ không khắc tên tuổi của tôi. Chỉ có những người biết đó là mộ của tôi mới hiểu. Ai không biết thì cứ đến đó, cảm thấy vẻ đẹp thanh u ấy rồi ra về. Cho dù chẳng còn lấy một người biết đó là phần mộ của tôi thì tảng đá tôi dùng để làm

mộ vẫn đứng đó một cách đẹp đẽ. Được như thế, có lẽ tôi đã để lại cho đời một nét đẹp Nhật Bản.

Mấy chuyện sống chết và làm mộ mà sau đó không có gì đáng để suy nghĩ nhưng sau khi bạn bè và người quen biết, hết người này đến người kia, xây xong mộ mới, đầu óc mình có khi cũng thấy vương bận. Ngay ngôi mộ của người từng nói là không cần mộ cũng vừa xây xong. Chuyện mộ phần trở thành một gánh nặng cho tôi nên có lẽ vì thế mà tôi cứ nghĩ ngợi không đâu về chuyện học đòi hai ông Rikyu và Sansai. Nếu đợi khi chết rồi mới cho xây thì sẽ không bao giờ dựng được ngôi mộ đẹp. Đó là nỗi buồn đến giữa một thời đạo đức suy vi (matse).

Nghe một người quen buôn bán cổ mỹ thuật phẩm cho biết là có một cái

tháp 13 tầng làm ra vào thế kỷ 13 thời Kamakura, cho nên tôi càng thêm háng hái, nghĩ rằng tháp 13 tầng như vậy thì tốt quá vì sẽ cao vút và dễ thấy. Tôi mới nhìn thăm cỏ đang để mặc cho mọc loạn xạ trong khu vườn nhà mà nghĩ:

– Nếu dựng được cái tháp Kamakura 13 tầng ấy giữa khu vườn này, chắc mình sẽ không còn cần cái gì khác.

Nhưng tôi không nói rằng nó sẽ là ngôi mộ dành cho mình sau khi chết.

Lại tưởng tượng cảnh anh lái buôn cổ mỹ thuật phẩm trẻ tuổi đó chở nó trên một chiếc xe vận tải mà đem đến.

– Thế nhưng dựng được nó lên khó lắm. Tháp cao đến 20 shaku (khoảng 6 m), phải làm một cái móng cao rồi mới nhắc tháp đá đó đặt lên trên.

Cho dù lấy cái tháp 13 tầng làm mộ, thì với chiều cao 20 shaku, nhìn từ xa cũng thấy, có hơi quá khổ đối với một ngôi mộ dành cho (cá nhân) tôi và có lẽ sẽ khiến nhiều người ngạc nhiên.

Ngọn tháp vô phùng của vị tổ khai sơn Kenchôji (Kiến Trường Tự) là ngài Rankei Dôryuu (Lan Khê Đạo Long, 1213-1278) cũng như tháp vô phùng của ngài Mugaku Sogen (Vô Học Tổ Nguyên, 1226-1286) [Hai cao tăng thiền Lâm Tế từ bên nhà Tống đã đến Nhật hành đạo vào thế kỷ 13 thời Kamakura rất được Mạc phủ trọng vọng..] có thể coi là hai ngôi mộ đẹp. Hai ngọn tháp bao gồm được cái vô hình vô tượng của vạn vật, cả thân tháp hình quả trứng đều có ý nghĩa sâu xa. Khi tôi tham dự vào những buổi trà đạo và được ngắm bút tích hai ngài Lan Khê và Vô Học thì hình ảnh của

những ngôi mộ làm bằng tháp vô phùng lại hiện ra trong lòng tôi. Các tháp vô phùng của bao đời cao tăng chùa Giác Viên (Gakuonji) trên đầu có hình quả trứng và được sắp bên nhau. Về hình thù của mộ thì tôi tuy thích tháp vô phùng nhưng hình như tháp vô phùng nào đều là mộ cả. Vật được người xưa có lần dùng làm mộ, nay truyền tới tôi khiến cho tôi muốn tránh dùng lại nó làm mộ một lần thứ hai. Thế nhưng làm một cái tháp mới như vậy vào thời buổi này, có lẽ hình thù sẽ không sao coi được. Một lý do khác nữa là cái đẹp của tháp vô phùng đã đạt đến đỉnh cao nhất vào thời Kamakura mất rồi.

Như vậy, tôi là người có cái may mắn là được sống ở Kamakura để có thể tản bộ quanh các chùa và thưởng ngoạn các cổ mỹ thuật phẩm bằng đá. Ngày xưa ở

Nhật không có kiến trúc bằng đá và mỹ thuật phẩm bằng đá cỡ lớn cũng không có nốt. Có thể nói đó là chứng cứ về sự yếu kém của văn hóa Nhật Bản. Khi tôi nhìn những ngôi chùa cổ ở Kamakura, kể cả các vật thể như vô phùng tháp, bảo khiếp ấn tháp, ngũ luân tháp, Địa Tạng thạch Phật, có bảo là thấy chúng thế lương hoang phế thì cũng không ngoa. Những tảng đá cổ như nấp dưới bóng núi, không có vẻ đẹp đập vào mắt ai. Thế nhưng khi hình ảnh của những tảng đá xưa cũ ấy đi vào mắt tôi thì cái sức mạnh của vẻ đẹp ẩn tàng trong đó như được truyền theo cùng, làm tôi cảm thấy mình gần gũi làm sao với một nước Nhật xa xưa.

Thế rồi sau khi ngắm những ngọn tháp vô phùng, trên đường về, chân tôi vừa dẫm lên những xác lá hồng (momi-

ji), bắt chợt lòng nghĩ đến những khóm cúc mọc trên bờ đá nơi quê nhà.

Nếu ghềnh đá đó được xem là là ngôi mộ của một người con gái chết không mồ mả thì những đóa cúc kia có phải là món đồ cúng cho nàng hay không nhỉ? Theo lời kể thì nàng là một người rất đáng thương, ngay cả danh tính cũng không có. Nàng là một thường dân sống trong núi và câu chuyện của nàng cũng rất đổi bình thường. Nàng đợi một chàng trai dưới chân ghềnh đá và chết vì lạnh cóng. Chỉ có chừng ấy.

Làng tôi nằm trong thung lũng, dọc theo một con sông. Bên bờ sông, những ghềnh đá như thế không hiếm. Ghềnh đá trong câu chuyện thuộc loại lớn nhất trong đám, khi đứng dưới bóng nó, sẽ khó lòng bị ai bắt gặp. Dưới chân ghềnh có một vực sâu. Bóng của ghềnh đá trải

rộng trên mặt vực nhưng không thể nào in hết lên đó. Sau khi đã mệt mỏi vì chờ đợi, người con gái lại leo lên ghềnh đá, có lẽ cô muốn ló mặt để nhìn về hướng con đường mà chàng trai sẽ tới. Gương mặt của hồn ma nhô ra trên ghềnh đá có thể là hình dáng của nàng lúc ấy. Nàng đã đứng bên trên cái hòm của mặt ghềnh. Vì vậy mà hoa cúc mới được đem đến trồng ở nơi đó chăng?

Tôi bước ra khỏi cổng ngôi cổ tự nằm trên núi ở Kamakura vừa thả bộ dưới rặng cây tuyết tùng để xuống phía dưới. Tôi bèn trao đổi câu chuyện với vong hồn của người con gái đã nhô đầu ra trên cái ghềnh đá ở quê nhà:

– Mái tóc dài của cô ướt cả rồi nhỉ? Không lẽ tóc cũng chảy nước mắt? Có phải nước mắt từ tóc rịn ra không cô?

– Có lẽ trận mưa pha tuyết (mizore) hôm qua đã làm nó ướt đấy. Em hạnh phúc khi đứng đợi người ấy. Lẽ nào em lại khóc.

– Đêm nay hình như tuyết cũng sẽ đổ xuống! Cô về nhà nhanh đi cho đỡ bị cón. Giờ này anh ấy đâu tới nữa.

– Anh ấy bảo em cứ đứng đây mà chờ. Chỉ cần em chờ thì thế nào anh ấy cũng tới. Dù em có về nhà hay chẳng, lòng em vẫn còn ở lại dưới bóng ghềnh đá này để đợi anh ấy. Bắt tấm lòng và thân xác rời nhau ra và để cho lòng phải băng giá một mình thì sao bằng cứ đứng ở đây, vì như vậy, em còn thấy ấm áp hơn.

– Cô cứ đứng chờ mãi như thế này ư?

– Anh ấy bảo em mỗi ngày hãy ra đứng đây mà chờ. Do đó, mỗi ngày em đều đến đợi.

– Cô đợi đã bao ngày mà anh ấy có đến đâu nào! Chân tay của cô đã lạnh cóng hết cả rồi. Thôi, hãy trồng hoa cúc trên ghềnh đá này để nó chờ đợi thay cô thì có tốt hơn không?

– Khi nào còn sống thì em còn đợi. Nếu em chết đi rồi, chắc là hoa cúc sẽ nở và đợi chờ thay em.

– Cho dù hoa cúc có đợi, chưa chắc anh ấy sẽ đến đâu đấy!

– Anh ấy muốn đến lắm chứ nhưng chắc có gì ngăn trở nên không đến được. Nếu như em đợi ở chỗ anh ấy dặn mình phải đợi, em có cảm tưởng như anh ấy đang có mặt. Giống như em vậy, cúc vẫn

nở hoa, khoe hương sắc và không thay đổi dù người nó đợi có đến hay không.

– Thế nhưng mặt mày của cô đã thay đổi rồi đó. Nhìn cô, tôi thấy như đang chết cóng đến nơi.

– Mùa thu năm nay, hoa cúc có khô héo đi nữa, thu năm sau nó lại nở ra thôi. Nếu như hoa cúc thay thế được em thì em đã thấy hạnh phúc rồi.

Cái đầu của vong linh người con gái biến mất. Trong tôi, hình ảnh huyền ảo của hoa cúc lại hiện ra. Nơi ghềnh đá đó, tôi thấy tuyết bắt đầu rơi.

Cả ghềnh đá lẫn khóm hoa cúc đều được tuyết nhuộm trắng, không còn phân biệt đâu là hoa nữa. Thế rồi cả ghềnh đá, hoa và tuyết đều chìm vào trong màu tro xám của trời chiều.

Cứ thế mà cái ghềnh đá thiên tạo giữa núi non đã biến thành ngôi mộ của người con gái. Nghĩ về nó, tôi tự nhủ thậm không biết nó phải là cái tháp vô phùng²⁷ của nàng hay không bởi vì cái ghềnh đá to lớn đó cũng như vực sâu bé nhỏ kia đều không thấy nơi đâu có viết tên nàng.

Ngày xưa, ngài Nam Dương Huệ Trung, quốc sư bên nhà Đường khi được Hoàng đế Đại Tông hỏi về nguyện vọng sau khi chết thì ông đã trả lời:

– Xin ngài bảo người ta xây cho lão tăng một cái tháp vô phùng.

Sách Bích Nham Lục có nói về “hình thù cái tháp của quốc sư” (quốc sư tháp

27 Vô phùng có nghĩa là “không thấy đường chỉ” qua hình ảnh của một tấm áo may khéo. Nhật có thành ngữ Ten.i muhō (thiên y vô phùng) để nói về một tâm hồn khả ái hay một nét đẹp tự nhiên, không son phấn hoa hòe.

dạng), từ đó mới sinh ra kiểu nói “tháp vô phùng” (muhôtô, vô phùng tháp).

Tháp vô phùng là một cái tháp không có chỗ kết nối với nhau (nuime no nai) vì những chỗ đó mắt trần không sao nhìn thấy. Nó là cái tháp không có thực mà cả thiên địa vạn vật đều được bao gồm bên trong. Ngoài ra thân tháp còn có hình quả trứng. Có lẽ nó tượng trưng cho khái niệm vô phùng [Xem Bích Nham Lục, thoại nhan đề “Dĩ lão tăng tác cá vô phùng tháp” (Hãy xây cho tôi cái tháp không do tay người làm ra). Cuối cuộc đối thoại, Hoàng đế Đại Tông nhà Đường mới hiểu là vị lão tăng muốn tiến cử Thiền sư Đam Nguyên, một đệ tử đạo đức thế chỗ cho mình (như một cái tháp sống) vì không cần dựng một cái tháp đá lưu niệm nhưng vô nghĩa sau khi ông chết.].

Trong nghĩa địa nhà chùa, nếu nhìn những ngôi tháp của thầy trụ trì các đời, ta sẽ thấy chúng được xếp bên nhau và tròn vo như đầu của chư tăng.

Tuy vậy, tháp vô phùng vẫn là sản phẩm do con người làm ra. Họ cắt đá và đẽo gọt sao cho nó có được cái hình tròn. Tầng đá trong thiên nhiên mới có thể xem là ngôi mộ vô phùng. Và ghềnh đá ở quê hương tôi chẳng hạn, là cái xứng đáng với cách gọi ấy. Phải chăng nó là ngôi mộ của người con gái không mồ mả? Chính ra cô gái cũng không mong chi đến một nắm mồ, hơn nữa chẳng ai có ý định đem đá xây mồ cho cô cả. Hòn đá thiên nhiên đã tự nó biến thành ngôi mộ cho cô đó thôi. Ngoài ra, còn phải hỏi xem “mộ vô phùng” là cái thứ gì nữa chứ! Dù có một “sinh mệnh vô

phùng²⁸” có lẽ vẫn không thể nào có một ngôi «mộ vô phùng». Nếu đúng như thế, ghềnh đá kia cũng tượng trưng được cho một «sinh mệnh vô phùng» đấy hay sao? Những đóa bạch cúc nở trên ghềnh đá hẳn là thế thôi.

Trong thế giới này, nếu vẫn có những đóa hoa nở và những ghềnh đá vươn lên cao thì tôi đâu cần xây cho mình một ngôi mộ để làm gì!

Có lẽ cả cõi đất trời trong thiên nhiên này, cả cổ tích về người con gái ở quê nhà, đều có thể xem như là phần mộ của tôi rồi. Lý do tôi thích dạo bước đi tìm mộ người khác và thưởng ngoạn chúng như những mỹ thuật phẩm bằng đá chỉ vì tôi là người hãy còn đang sống.

28 Phải chăng Kawabata muốn nói đến những “thiên nhiên thể” tức mọi sinh vật có mặt trong thiên nhiên, dù chúng là con người, thú vật, đất đá hay cây cỏ và theo đó thì muôn vật, không có gì sinh ra và mất đi?

Từ đó, tôi mới nhận ra rằng việc mình cứ mãi lo toan xây mồ xây mả cho bản thân quả là một điều ngu ngốc. Vừa suy nghĩ lan man như thế, trong ánh nắng chiều le lói, tôi rời khỏi nơi đó và bước về phía trung tâm Kamakura.

Dịch ngày 29/4/2021

Thư mục tham khảo:

Kawabata Yasunari, Iwa ni kiku (Cúc mọc trên đá) trang 289 đến 300 trong Tuyển tập truyện ngắn nhan đề Kataude (Cánh tay rời) do Azuma Masao tuyển từ các tác phẩm kinh dị của Kawabata, Chikuma Bunko, Nxb Chikuma, Tôkyô, ấn bản lần thứ nhất năm 2006.

Akizuki Ryômin, Ichi nichi Ichi Zen (Nhất nhật nhất Thiên) thoại 225 (Truyện

Quốc sử Nam Dương Huệ Trung đối đáp vua Đại Tông về tháp vô phùng) trang 238-239. Kôdansha Gakujutsu Bunko, Kôdansha, Tôkyô xuất bản, 2003.

